28/1/1931

Số 14 NĂM CANH-NGỌ 3e S. Décembre 1930

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

DEPOT LEGAL INDOCHINE N° 14/54

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BAO-QUAN
123 — Rue Maréchal-Foch — 123
NAM-ĐỊNH

GIÁ BÁO : Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE NAM-VIỆT NAM-ĐỊNH
1930

Tài VS Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Các bài vở trong kỳ này:

Giả lời thư một người trong quốc-dân

Chiếc tẩu An-nam *(thơ)*.

Nam-thành Lược-khảo.

Báo Đông-Phương đối với đức Khổng.

Thơ.

Khoa-học (*máy bay*).

Hán-học tinh-thần (*Vương-kinh-Công*).

Kinh-tế *(Sự sáng nghiệp của nhà buôn)*.

Thơ-đàn giảng tập *(Chùa Bé)*.

Xã-hội thiển-đàm (*Việc xử kiện gà ở Nam-Sách*).

Ba-đào-ký *(Sự thi ngày xưa ở Nam-Định)*.

Bắc-sử lược-thuật (*Xuân-thu. — Trịnh Trang-công*).

Ý-kiến và tiêu-tức trong Báo-giới.

AN-NAM TẠP-CHÍ

CƠ'-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO

Mr VŨ-HÙNG-TOẢN

Phó Chủ-sự

GIẢ LỜ'I THƯ'

MỘT NGƯỜI TRONG QUỐC-DÂN

Số 13 Annam Tạp-chí, về đề-mục "*Ý kiến của quốc-dân và cảm-tình của xã-hội đối với bản-chí*" có đăng các bức thư của các Ngài gửi lại, trong bức thư ông **Lê-Diễm**, ông có nói rằng tự lấy địa-vị của *một người trong quốc-dân*.

Nhân vậy, tôi nghĩ không cứ ông Lê-Diễm, mà tất cả các ngài gửi thư đó đều là một người trong quốc-dân hết thảy; nay kính xin giả lời:

Cứ mấy bức thư đã đăng ở kỳ số 13 đó, cần giả lời hơn hết là bức thư của ông Lê-Diễm, vì trong thư ông Diễm có đem nhiều ý-kiến cùng bàn với tôi về sự chỉnh-đốn lại nội-dung của Bản-chí, nay tôi xin theo từng ý-kiến giả lời ông, cũng để ai nấy mọi người trong Quốc-dân ta cùng rõ.

Trong ý thư ông Lê-Diễm, phần chủ-yếu muốn cho Annam tạp-chí lấy kinh-tế, khoa-học làm trọng, mà không nên coi trọng về văn-chương, cho nên ông nói rằng:

«Nước Nam ta, văn-chương ta đã có, ta đã nổi tiếng là một nước văn-hiến, thế mà nào ta có phải là một nước giàu mạnh? Ta phải tìm cái ta thiếu, ta tu-bổ. Cái ta thiếu, tức là khoa-học và kinh-tế... Nghĩa-vụ một nhà báo là phải tìm cái thiếu của quốc-dân, nghĩa là cái quốc-dân không biết hay chưa biết mà chỉ bảo».

Ngẫm xem những lời nói của ông Diễm,

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

thời biết lòng ông đối với Bản-chí rất thành-hậu, đối với sự tiến-thủ của nước nhà rất sốt-sắng, mà những lời nói ấy có giá-trị về sự chỉnh-đốn cho Bản-chí thực nhiều. Ở cuối thư ông lại có hứa giúp tôi công việc, thời lời nói của ông không phải là chỉ trách người ta lấy cái khó, mà thực là ông sẵn lòng vì nghĩa-vụ đối với cái cơ-quan tiến-thủ chung. Ngay trong bài *kính ngỏ cùng chư vị Độc-giả* ở số 11 Annam tạp-chí, về đoạn chỉnh-đốn nội-dung, tôi đã có lời rằng: « *Các bài về khoa-học, thực-nghiệp, gia-chính, thể-thao, nhất nhất tùy nghi đăng tải* ». Vậy thời không phải là tôi không biết những vấn-đề đó là cần thiết, song các ngài nên rộng lượng xét cho rằng: Những người trong nho-học ngày nay, ai có muốn đem cái học của mình mà cống-hiến với công-chúng, phần nhiều cũng chỉ là về tinh-thần, nghĩa-lý cũ, hoặc có phu-diễn được đôi chút bổ ích; còn như những vấn-đề thiết-thực, có lợi ích thực-sự với xã-hội, như kinh-tế, khoa-học, thế tất phải mong ở các nhà tân-học về phần nhiều. Các nhà tân-học như ai? tức như ông Lê-Diễm là một người trong quốc-dân ta vậy. Sự kỳ-vọng của tôi vốn sẵn như thế, mà được ông Diễm lại sẵn lòng tốt và có lời hứa giúp tôi công việc, thời xin rằng từ nay mỗi kỳ tạp-chí, sẽ được ông có bài về kinh-tế và khoa-học, cùng góp công vào cái cơ-quan tiến-thủ chung, thời trước là mong có thực-ích đến quốc-dân, sau thời Bản-chí được nhờ ông chẳng ít. Nay về sau, tôi cũng xin theo lời ông Diễm mà gia trọng về những vấn-đề kinh-tế, khoa-học, mong cho nội-dung của Bản-chí ngày được đến hoàn-toàn. Duy cần sao các nhà tân-học như ông Diễm, hơn ông Diễm, đều là một người trong quốc-dân, cùng gia sức giúp công cho, thời cái mục-đích hoàn-toàn của tạp-chí của quốc-dân Annam ta mới thực là có hy-vọng vậy.

Cứ trong thư ông Lê-Diễm, ý rất tốt, song tiếc vì dùng chữ có khi chưa được tinh. Như chữ "*văn-chương*", chữ *tinh-thần*, ông nhận nghĩa hoặc chưa tế, cho nên đặt ra lời có hơi ngang. Ông nói rằng:

« *Một nước không thể giầu về văn-chương được. Giầu về văn-chương là giầu về tinh-thần. Một nước không thể lấy cái giầu tinh-thần chống cự với nước khác. Nói rõ hơn, một nước không thể lấy văn-chương mà che-trở bờ cõi. Phải có cái giầu về thân-thể, hay nói cho đúng, phải có cái giầu thực-sự, về sức khỏe, giầu về tiền của* ».

Những câu đó, nếu người xem không nhận kỹ nghĩa chữ, có khi cho nghĩa câu là phải, nhân đó mà coi *văn-chương, tinh-thần* là sự rất đáng khinh, vậy thời rất có hại cho Độc-giả. Nay xin lấy thiển-kiến, cùng ông đàm-luận.

Chữ **văn-chương** nghĩa rất rộng lớn, bao bọc cả kinh-tế, khoa-học,... không phải chỉ là thơ, ca, từ, phú, như trong mục văn-uyển ở trong các báo chí mà thôi. Văn-chương là cái vật có sức để cổ-lệ tinh-thần, mà không phải tức nó là tinh-thần. **Tinh-thần** lại là một vật tuyệt quí, có sức nâng dẫn các sự-thực. Dân giầu nước mạnh, phải nhờ có tinh-thần làm cốt, rồi sự-thực mới theo đó mà nên hay. Lại xin nói rõ:

Nói về *văn-chương*, như ông *Lương-khải-Siêu* ở Trung-hoa mới đây, thật là có giá-trị. Cứ như sự trước thuật của ông giảng luận về kinh-tế, khoa-học không ít, mà tóm để là « 飲冰室文集 *Ẩm-băng-thất văn tập.* » Vậy thời rõ nghĩa chữ « *văn-chương.* » Văn-chương của ông Lương-khải-Siêu lưu-hành ở Trung-hoa, làm cho dân-tộc Trung-hoa được nhờ đó mà có cái tinh-thần hoạt-bát. Trung-hoa dân-quốc, đến nay bồng-bột; người Trung-hoa phần nhiều chỉ biết Lê, Hoàng, Tôn, Tưởng là có công to

với công-chúng, mà ít ai biết từ trước lúc Lê, Hoàng, Tôn, Tưởng chưa xuất hiện, Trung-hoa dân-quốc chưa thành lập, cổ-lệ cái tinh-thần hoạt-bát đó, ai là thủ-công.? (1) Người Trung-hoa đối với ông Lương-khải-Siêu có khi coi thường; mà người ngoại-quốc đối với ông, thực là qui trọng. Trong khi ông Lương-khải-Siêu còn sống, sang chơi nước Mỹ, tới thành Nữu-ước (New-York), tỉnh-thành ấy đón tiếp ông như đón quan *Tổng-thống đệ nhất*, nghĩa là cái nghi-lễ đón quan Đệ-nhất-nhiệm Tổng-thống Hoa-thịnh-Đốn khi trước, chỉ có đón ông Lương-khải-Siêu là lần thứ hai. Sang-trọng thay! cái thân-thế ông Ẩm-băng ở nước ngoài, cũng đủ biểu cái giá-trị văn-chương ông Ẩm-băng đối với Trung-hoa dân-tộc vậy. Văn-chương ngôn luận, nếu không có ảnh ưởng, lợi ích đến nhân-quần xã-hội thời thật là không có chút giá-trị; văn-chương ngôn luận nếu quả có ảnh-hưởng, lợi-ích đến nhân-quần xã-hội, thời há phải là một vật đángkhinh ru?

Nói về *tinh-thần*, xem như nước *Nhật-bản*. Nhật-bản hồi trước đây năm sáu mươi năm, tức là hồi mới bắt đầu bước vào phong-hội mới; kể sự giầu mạnh về sự-thực, có đâu đã bằng được nước Nga khi bấy giờ. Vậy mà Nhật-bản nhờ một trận đánh Nga, lập nên cơ-đồ duy-tân, đứng vào hạng Liệt-cường ở thế-giới. Đó là nhờ ở cái **tinh-thần thượng võ** (2) cho nên người Nhật rất khinh sinh cảm tử, (3) mới lấy đó mà được Nga. Qui-hóa thay! hai chữ tinh-thần vậy. — Ta lại xem như dân nước Tầu, sự buôn bán có tiếng ở thế-giới; khắp thế-giới không chỗ nào không có thương-dân Tầu. Bảo là do vật-sản hơn người chăng? có nhẽ không phải thế. Bảo là do cần kiệm mà làm ăn phát-đạt chăng? cũng chưa phải toàn-nhiên như thế. Tôi có nghe người nước Tầu đi ra ngoại-quốc rất có lòng cưu-mang nhau. Như một người ở bản-quốc mới đến, các người trong xứ ấy xét theo tài nghệ, rồi giúp vốn cho làm ăn. Một lần mà làm được thời nhất; nếu thua lỗ, lại xét vì nhẽ gì, quả không phải tự lỗi ở người ấy thời lại giúp vốn cho lần nữa; ba lần thua lỗ không làm được thời từ đấy mới thôi. Đó là do cái **tinh-thần ái quần** (4) mà dân Tầu tương thân tương tế, cho nên sự thương-mại của dân-tộc ấy mới được phát-đạt mà lan khắp cả thế-giới. Cái giầu về tinh-thần chẳng là dẫn được sự-thực, mà làm giầu, làm mạnh cho quốc-gia dân-tộc hay sao?

Ngoài chủ-ý nói về kinh-tế, khoa-học, ông Lê-Diễm có nhắc tới hai mục *Hán-văn diễn giảng* và *Thi-đàn giảng tập* trong Bản-chí. Về mục *Hán-văn diễn giảng*, ông Diễm nói rằng:

«Tôi không giám nói chữ Hán không cần, huống hồ Việt-văn lại là gốc ở chữ Hán cũng như Pháp-văn gốc ở chữ Latinh. Thế thời mục Hán-văn không phải là thừa, nhưng cũng không nên coi là một mục cần thiết.... Công việc làm Hán-văn, ông nên để riêng là công việc của Tản-Đà thư-cục thì hơn.»

Về mục *Thi-đàn giảng tập* thời ông Diễm cho là thực vô ích lợi. Ông nói rằng:

« Trong một tạp-chí có một vài bài thơ nôm, để những lúc thừa thời giờ, cao-hứng ngâm vịnh chơi, tưởng cũng hay. Thế nhưng đem từng bài thơ mà bình phẩm luận giảng từng câu, rồi đăng lên tạp-chí cho đầy trang, tưởng không có ích lợi gì cả; mà cũng không mấy người để ý đọc. Hiện nay được mấy nhà thi-sĩ chân chính, mà ông định chiêu tập để luận giảng thơ phú...»

Tôi xin lại đáp theo những ý-kiến ấy của ông Diễm như sau này:

Cứ ý ông nói về mục *Hán-văn diễn giảng*, tôi nhận là rất phải; song cũng xin biểu

1) Thủ-công 首功 — Công đứng đầu.
2) Thượng-võ 尚武 — Chuộng về võ-lực.
3) Khinh sinh cảm tử 輕生敢死 — Khinh sự sống, dám chết.
4) Ái quần 愛群 — Yêu đàn.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

chút ý mọn của tôi để ông rõ qua rằng: Nguyên mục Hán-văn ấy, không phải là tôi truyên chủ đối với những người muốn học biết chữ Hán mà thôi; chính còn muốn đem những cái tinh-thần tư-tưởng trong Hán-học. nhân Hán-văn mà phu diễn ra, để cống hiến các ngài về tân-học, Pháp-học. Cho nên như những bài trong mấy số đã đăng đó, trọng ở công diễn giảng về phần nhiều. Nay nếu ý ông đã không thích mục ấy, thời tôi xin đem cái bổn-ý của tôi truyền làm mục *Hán-học tinh-thần*, hoặc biên ký, hoặc dịch thuật... sao cho phu diễn được đôi chút tinh - thần tư-tưởng của Hán-học thời thôi. Còn như mục *Hán-văn* trước đây, chỉ để hoặc khi có diễn giảng ít nhiều câu thơ, ca, hoặc những chữ Hán thường dùng trong quốc-văn, để mua vui cùng ít nhiều các bạn Độc-giả hợp ý vậy.

Đối với ý ông Diễm nói về mục *Thi-đàn giảng tập* thời tôi xin thưa rằng: Nguyên - ý mục ấy trong tạp-chí, tôi đối với một phần trong các bạn Độc-giả, rất là ân-cần và tổn nhiều công-phu: Nghĩ chữa được một bài thơ mà luận giảng minh-bạch để đưa in lên trang giấy, có khi công phu hơn tự mình đặt lấy ra một bài. Nay ông bảo là sự « *đăng cho đầy trang,* » thời vì ông không phải là người trong làng thơ, không thích xem, cho nên ông nói như vậy. Sự làm thơ rất là vô ích lợi mà thực khó, song cũng là một thú chơi cao - nhã; duy bởi hiện nay không được có mấy nhà thi-sĩ chân chính, cho nên *Thi-đàn giảng tập*, tôi muốn để thay cho việc *Quốc-văn hàm-thụ* khi xưa. Một báo chí đối với công-chúng, có hai sự-thể: Lấy về sự-thể cao mà nói, thời An-Nam Tạp-Chí mong được là cơ-quan tiến-thủ của quốc-dân; theo về sự-thể thấp mà nói, thời cái tạp-chí này cũng như khắp mọi báo, chí khác, muốn cho được có nhiều bạn độc-giả thời mỗi kỳ số phải có phần mua vui. Tình thế thông thường đã như thế, duy trong sự làm vui, giữ sao cho chính-đính, không phạm đến những lời nhẽ công-kích nhau thô-bỉ, không in ra những tiểu-thuyết tình đãng, không thiên-vị ai trong những vụ bảo-cử, ấy thời là bổn-sắc của An-Nam Tạp-Chí mà tưởng các ngài cũng để ý xét cho vậy. Cùng trong mục đăng bức thư ông Lê-Diễm, có đăng cả hai bức thư là một bức của ông Nguyễn-gia-Tr. và một bức của ông Huỳnh-đình-Điển, để tỏ rằng ý-kiến của các bạn Độc-giả đối với bản-chí có khác nhau như thế, hẳn ông Diễm coi đó cũng có vì Bản-chí nghĩ lại cho ít nhiều. Nay về sau, xin rằng hai mục *Hán-văn diễn-giảng* và *Thi-đàn giảng tập*, thay đổi nhau kỳ có, kỳ không, mà cái khu-vực ở trong báo-trương rút bớt đi hơn trước, vậy có nhẽ là tôn kính cái ý-kiến của quốc-dân, mà cũng không cô-phục thịnh-tình của các bạn Độc-giả vậy. Mong chư-vị cũng nhận là phải cho.

Trong ý thư ông **Đặng-trần-Thiệu** trách tôi về sự « *dùng nhiều chữ nho mà không chua nghĩa,* » lỗi ấy thật tôi xin nhận, không dám nói lại chút nào. Cho nên ngay trong kỳ số 13 ấy, tôi đã đem những chữ nho sách *Mạnh-tử* mà diễn giảng ở mục Hán-văn, tức là để đáp ý ông Thiệu. Nay về sau, công việc trong báo-quán, tôi cũng không phải một mình bận rộn quá như trước, xin rằng chỗ nào có dùng đến chữ nho mà cần nên giải thích thời không dám lười trễ, mà tưởng chú ngay ở phần cuối trang. Còn như hai bức thư của ông **Nguyễn-gia-Tr.** và ông **Huỳnh-đình-Điển** không có cật vấn điều gì, thời tôi không phải giả lời. Bức thư của M^me^ **Nhuận-Văn** cũng chỉ là tỏ tấm cảm-tình đối với bản-chí, vậy tôi xin có mấy câu thơ đáp lại như sau:

Con trâu chưa dậy, mục còn chơi,
Luống để cho ai những ngậm-ngùi.
Thằng mục đã về, trâu đã dậy,
Đời chưa đáng chán, chị em ơi!

Nguyễn-khắc-Hiếu

CHIẾC TẦU AN-NAM

Khi xưa An-nam tạp-chí mới ra đời ở Hàng-Lọng, trừ sự nhờ nhà in Kim-đức-Giang, tư-vốn có năm chục đồng bạc; các công việc một mình tôi trông coi, cho nên trong khi ấy tôi có bài thơ

SÔNG CÁI, CHIẾC THUYỀN NAN.

Nay được mấy anh em ở Nam-Thành xuất tài hợp lực, phần tư-vốn có tới gấp mấy trăm số tiền xưa; biên-tập trị-sự hai ban, đều có người trông coi, không phải một mình tôi như trước. Sự tiến-hành của An-nam tạp-chí, nay về sau, có thể mạnh mà vững, không như xưa sợ nỗi ba-đào. Chiếc tầu An-nam, tức là cái thân-thế mới của An-nam tạp-chí vậy.

Bốn bể năm châu náo cuộc đời,
Con tầu Bản-quốc, chị em ơi!
Tấm thân dầm nước đà nên sắt;
Tiếng hiệu vang sông mới hét còi.
Vỏn-vả gió mưa cơn giục khách;
Mênh-mông giời biển bước ra khơi.
Hỏi thăm Âu, Mỹ bờ đâu bến?
Mở máy, quay guồng, quá-độ (1) chơi!

TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

(1) Quá độ — 過渡 nghĩa là *sang ngang.*

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NAM-THÀNH LƯỢC KHẢO

(Nam - thành tức là tỉnh Nam - Định)

Tỉnh Nam-định ở về miền Trung-châu xứ Bắc - kỳ, là một tỉnh đất rộng và dân đông, nhà chính - trị cần phải xem xét để xếp đặt. Nam - định lại là miền đất tốt, dân giầu và thành - phố lại mới mở mang, nên nhà kinh-tế cũng cần phải biết đến để kinh-doanh vậy. Chúng tôi hãy đem thiển - thức lược thuật ra đây để cung các độc-giả một món tài-liệu về địa-chí-học.

Ruyên-cách (1). — Nam-định nguyên xưa là một phần đất trong bộ Giao-chỉ về đời Hùng-vương.

Đời thuộc nhà Hán đổi là quận Giao-chỉ, đến đời Tấn và Đường gọi là *huyện Nam - định*, chữ Nam - định có từ đấy. Đời nhà Lý ta thuộc về châu Tương ; nhà Trần chia làm hai lộ : Hoàng-giang và Thiên-trường, mà đặt là ly-sở lộ ấy. Đời Lê Cảnh-hưng đổi là Sơn-nam-hạ lộ. Đời vua Minh-mạnh triều Nguyễn mới nhân tên huyện ngày xưa đặt tên là *Nam-định-trấn* ; sau mới đổi làm tỉnh. Năm Thành-thái thứ sáu lại trích ra mấy huyện về phía đông tỉnh, đặt là tỉnh Thái-bình. Vậy thì tỉnh Thái khi xưa vẫn là mấy phủ, huyện thuộc về tỉnh Nam, dù tỉnh Nam-định ngày nay có phân trích ra rồi mà vẫn còn rộng to hơn hết các tỉnh khác ở Trung-châu xứ Bắc.

Địa-thế. — Tỉnh Nam-định là một tỉnh đồng bằng, toàn thị đồng điền thấp phẳng, phần nhiều là đất phù-sa bồi đắp mà thành ra, vì từ đời Trần giở về trước, cửa bể còn ở cửa Tuần-vường, cửa ấy xưa kia rất là rộng rãi bao-la, cho nên có câu : « *Một trăm cửa bể, nể cửa Tuần - vường* » là thế. Cửa Tuần-vường bấy giờ cách xa tỉnh-ly Nam-định có 7 kilomètres, mà nay sóng lấp cát bồi, bể bạc nổi lên cồn dâu, làm cho tỉnh Nam-định chạy dài ra ngót 40 kilomètres, mới đến cửa bể. Nói về lợi sa bồi thành ra bình-nguyên của xứ Bắc-kỳ thì tỉnh Nam-định tự xưa được địa-lợi hơn nhất ; ngoài bãi bể vẫn còn đang bồi thêm mãi, thì sau này tỉnh Nam-định càng rộng thêm biết là chừng nào !

Tỉnh Nam-định là một tỉnh toàn đất sa bồi, nên đất rất lắm màu, đi đến chỗ nào cũng thấy ruộng nương đẹp tốt, chỉ về phía tây mới có vài giẫy núi nho nhỏ, núi có tiếng nhất là *núi Gôi*.

Giới-hạn. — Địa-giới thì nam giáp vịnh Bắc-kỳ ; đông giáp sông Nhị-hà, phân cách với tỉnh Thái-bình ; bắc giáp sông Lấp và sông Sắt, phân cách với tỉnh Hà-nam; tây giáp sông Đáy, phân cách với tỉnh Ninh-bình.

Diện-tích được độ 435.000 mẫu ta.

Dân-số được độ 900.000 người.

Khí-hậu ở Nam-định rất ôn hòa, khắp tỉnh chỗ nào cũng lành, mùa hè thì có gió bể thổi vào rất là mát mẻ, nhưng thường hay có khí ẩm ướt, hàn-thử-biểu về mùa nóng lên đến 35°, về mùa rét xuống đến 15°. Ở gần bể có cửa bể Quất-lâm, mùa hạ mát lắm, nên cũng có ít nhiều người tây đến đấy nghỉ mát, và nhiều người ra đó để tắm nước bể cho khỏe.

Chính-trị. — Xét về việc chính - trị thì nên biết thành - phố Nam - định và tỉnh Nam-định có khác nhau. Theo nghị-định ngày 17 tháng Octobre 1921 mới lập **thành-phố Nam-Định**; địa-phận thành-phố Nam-định tức là mấy làng : Năng-tĩnh, làng Cốc, Vị-xuyên, Phù-long thủa xưa.

Bây giờ hiện chia làm 10 hộ : *Nam-an, Nam-mỹ, Nam-long, Nam-xuyên, Định-tiền, Định-hậu, Định-tả, Định-hữu, Định-tân* và *Định-trung*.

(1) Sự thay đổi về tên đất tự xưa đến nay.

Việc cai-trị trong thành-phố thì có quan Đốc-lý làm đầu, có hội đồng quản-trị giúp việc ; cũng như các thành-phố khác, các hộ đều có Hộ-phố.

Dân-cư trong thành-phố ước độ 70.000 người, Annam có độ 60.000 người vừa buôn bán, làm thợ và làm việc các sở. Còn người Tây phần nhiều làm quan và làm kỹ-nghệ; người Tầu, người Nhật và Tây-đen đều buôn bán và làm thuê.

Tỉnh chia làm chín phủ huyện : 1. phủ *Xuân-trường* kiêm lỵ huyện *Giao-thủy*, 2. phủ *Nghĩa-hưng* kiêm lỵ huyện *Đại-an*, 3. huyện *Hải-hậu*, 4. huyện *Nam-trực*, 5. huyện *Trực-ninh*, 6. huyện *Mỹ-lộc*, 7. huyện *Vụ-bản*, 8. huyện *Ý-yên*, 9. huyện *Phong-doanh*.

Đầu tỉnh có quan Công-sứ, và có nhiều công-sở : nhà thương, nhà giây-thép, nhà binh, nhà công-chánh, nhà thương-chánh, vân vân....

Sở nhà thương có một nhà thương lớn đủ cả phòng thăm bệnh và phòng đỡ đẻ và một nhà thương Mỹ-trọng để chứa người phải bệnh nguy kịch.

Nhà giây thép có một sở chính ở tỉnh-lỵ và mấy sở nhỏ ở Lạc-quần, Văn-lý, Hải-lạng, Tam-tòa và Ngô-đồng.

Nhà binh có một đạo binh pháo-thủ và một cơ lính khố xanh đều ở các trại trong tỉnh-lỵ. Còn ở ngoài thì có đồn Lạc-quần (Hải-hậu), Hải-lạng, Tam-tòa (Nghĩa-hưng), và các phủ huyện đều có lính để đủ phòng giữ như các đồn và phủ huyện khác vậy.

Quan An-nam, có quan Tổng-đốc đứng đầu tỉnh, có quan Bố-chính, Án-sát và quan Thương-tá giúp việc, mỗi phủ huyện có một quan phủ, huyện. Trong thành phố lại còn có một sở mật-thám, tòa án tây và một sở cảnh-sát. Về việc học-chính thì thành phố Nam-định có nhiều trường Sơ-đẳng, ở thành-phố có một trường Thành-chung, trường sư-phạm, trường trẻ con tây, lại có hội Trí-tri và hội Học-giới-bảo-trợ có hơn hai nghìn hội-viên giúp đỡ mở mang về việc học nữa.

Nói tóm lại thành phố Nam-định tức là nơi tỉnh lỵ của Nam-định vậy.

Kinh tế. — Tỉnh Nam-định nhờ có đất rộng và tốt nên đường kinh-tế cũng rất phát đạt.

Đường giao thông, — Tỉnh Nam-định giao thông với Hanoi và Huế, Vinh, là nhờ con đường xe hỏa, ở trong địa phận tỉnh Nam-định có bốn ga kể từ Hanoi đến kilomètre thứ 87 là ga Nam-định, 94 là ga Trình-xuyên, 101 là ga Gôi, 108 là ga Cát-đằng, rồi đi qua cầu sông Đáy (thường hay gọi cầu Non-nước) đến tỉnh lỵ Ninh-bình.

Trong quãng đường xe lửa từ ga Gôi đến ga Trình-xuyên có một nơi gọi là phố Sở, chỗ đó hành khách đi lại rất đông, vật hóa từ đó chở đi các nơi cũng nhiều, vì mấy dân xem ra có vẻ trù phú, và làm nghề buôn bán nhiều, cũng có thể đặt thêm một nơi dừng xe để tiện cho việc giao thông mà cũng lợi thêm cho dân xứ đó.

Dựa theo con đường xe lửa ấy lại có đường cái rất rộng tốt, có nhiều ô-tô vận tải hành khách và hàng hóa đi lại rất tiện, đường này đi lên Phủ-Lý xa 32 kilomètres, đi Ninh-bình xa 27 kilomètres.

Đường Nam-định đi Thái-bình xa 19 kilomètres, đi theo sông Vị-hoàng về phía đông đến kilomètres thứ 5 thì đến sông Nhị-hà, qua đò ấy là bến Tân-đệ vào địa phận huyện Thư-trì thuộc tỉnh Thái-bình.

Đường Nam-định đi Hưng-yên xa 12 kilomètres.

Đường đi Thượng-lỗi, Hữu-bị lên bến Vường 7 kilomètres, rồi sang Thái-bình,

Đường Nam-định đến sông Đáy xa 24 kilomètres đến số 5 là An-duyên có chợ, cây số 9 có một nhánh về huyện-lỵ Vụ-bản, cây số 11 có đường đi về phía Nam đến

làng Tiên-hương (đền Phủ-giầy) có thể nối với đường đi ra núi Gôi). Đi qua cầu Ngăm ở sông Sắt thì vào huyện Phong-doanh, rồi đến huyện Ý-yên, cây số 19 là về phía Nam đến Vạn-điểm, cây số 24 đến sông Đáy.

Đường Nam-định đi Quất-lâm xa 37 kilomètres qua đò sông Nam-định đến cây số 5 vào huyện Nam-trực, huyện lỵ ấy ở làng Bách-tính, đường đi theo sông Nhị-hà độ 3 cây số rồi vào phủ Xuân-trường đến cây số 19 lại có đường đi Cát-giả là nơi huyện lỵ huyện Trực-ninh, qua đò sông cửa-lác đến cây số 16 là Lạc-quần, 33 về phía đường đi Xương-điền lắm ruộng muối, 37 là Quất-lâm.

Đó là lược kể những đường nhớn có thể đi ô-tô được, trong tỉnh còn biết bao nhiêu đường đê nữa, làm cho huyện nọ có thể đi tới huyện kia rất là thuận tiện.

(còn nữa) **Vũ-Hùng-Toán**

Báo Đông-Phương đối với đức Khổng

Gần đây trong báo-giới có nhiều sự nói xấu nhau, lời nhẽ quá thậm; các bạn độc-giả nghe đã có lấy làm rác tai. Những bài nói đó là gì; một vài cá-nhân đối với một vài cá-nhân, hay dở thế nào, Bản-chí không cần biết, cũng không cần nhắc. Duy đến Tôn-giáo, Danh-giáo, sự-thể chí trọng, không phải là một món có thể đem ra làm câu truyện mua cười. Tờ Đông-phương số 289, ra ngày 19 Novembre 1930, có một đầu bài là:

"CỤ KHỔNG PHU-TỬ vừa được bữa no say"

Người viết bài ấy phẩm-cách ra sao không kể chi; trong tòa soạn Đông-phương nghe cũng có nhiều tay học Nho, mà sao để đăng báo như thế?! Than ôi! Thánh-giáo xuy đồi, bảo-trương vô pháp; người hữu tâm ai đó, cảm-khái cùng chăng?!

An-nam tạp-chí

THƠ CA

Lên Vạn-Yên (Sơn-La) đi thuyền cảm tác

Kẻ đi lên ngược, kẻ về xuôi,
Cái kiếp lênh-đênh cũng kiếp người.
Hắc-thủy nổi trôi thuyền độc-mộc,
Thanh-sơn vây bọc khách cô-hoài.
Tha-hương nghĩ đến đôi hàng rủ,
Cố-quận trông về mấy rặm khơi.
Thác chảy, nước reo, làn trắng xóa,
Chẳng hay rằng nước có gì vui?

Ở Vạn-Yên đổi về Hưng-Yên tức cảnh

Xuống ghềnh lên thác mới về đây,
Xuôi ngược long-đong đã bấy chầy.
Đất Vạn dân mường từng chán ngắt,
Thành Hưng kẻ trợ cũng buồn thay.
Dăm câu thơ thẩn xuông tình khách,
Mấy chữ a b ngán nỗi thầy.
Dưới biển trên rừng ta trải khắp,
Còn xem con tạo nó vần xoay.

Nhữ-tiến Dương-tự-Hướng

Sự khảo-thuật về các điều lớn trong KHOA-HỌC

Trên trường thế-giới cạnh-tranh sô-sát, tiến-hóa càng mau kíp, mà khoa-học càng là việc bắt-buộc cho các dân-tộc phải giảng-cầu, kẻ thiển-học này lưu tâm về sự học-vấn đó, kể đã lâu năm, nay nhân An-Nam Tạp-Chí tiến hành, xin do sự khảo-cứu mà lược-thuật dần ra, để cống hiến với đồng-bào; may cũng có chút đỉnh bổ-ích vào cơ-quan tiến-thủ của quốc-dân ta vậy.

MÁY-BAY

Đời Chiến-quốc nước *Tầu* khi xưa có *Mặc-Địch* là một nhà đại tư-tưởng chế ra *con diều-hâu bằng gỗ*, bay đi được trong một ngày, sự bay ở Á-Đông thực phát-đoan từ đấy. Lại có ông *Công-Thâu-Ban* là nhà đại công-nghệ cũng làm *con diều-hâu bằng gỗ* để bay cao ròm trông vào trong thành nước Tống, ấy là sự bay đã bắt đầu muốn để dùng về việc chiến-tranh. Nước ta đời thuộc Đường cũng có truyện Cao-Biền làm *con diều-gỗ* cưỡi bay lên cao để xem xét hình thể sông núi. Tóm lại là một đoạn đầu tiên của lịch sử máy bay, tư-tưởng và thực-hành mới có như thế. Đến thế-kỷ bây giờ chiến tranh càng mãnh liệt, mà khi-giới càng tinh sảo, cái sự phát minh khi trước, công-tiến-hóa thành ra thuộc về Châu-Âu; tưởng máy bay ngày nay mà so sánh với máy bay ngày xưa, cũng là do khoa-học thắng lợi hơn nhau vậy.

Cứ theo về lịch-sử Châu Âu thì từ thời-đại, còn những câu truyện Thần-quyền, có ông I-Ca-Rút (Icarus) là con một ông thợ-giời ở nước Athènes (Kinh-thành nước Grèce) vì bay lên gần mặt giời quá, bị chết, câu truyện bay lên giời, đã động chạm đến cái óc tư-tưởng của loài người, từ đó; đến thế-kỷ thứ hai mươi này mới là ngày thực có sự bay bằng máy chuyển-động, bay bổng ở trên không.

Trận đại-chiến tháng tám năm 1914 phát sinh, làm cho máy bay càng cần dùng, càng tiến bộ, thành ra một thứ binh-khí linh lợi nhất buổi đời nay. Năm 1914 thì có ba ông là: Ball, Biship, Mccudden là nhà máy-bay trứ-danh nhất. Việc chiến-tranh đình rồi, máy bay thành ra sự hằng ngày thường thấy tiện dùng cả các việc giao thông. *Cái máy-bay* thành công lần thứ-nhất là của anh em ông Wright chế tạo ra ngày 17 tháng Décembre 1903, ông Orville Wright cưỡi bay lên đi độ 12 phút; cũng trong ngày ấy bay lên 3 lần; lần-rất-lâu là 59 phút, đi được 852 thước nước Anh, sức máy đó có 16 mã-lực, đi nhanh ước mỗi giờ được 35 rặm nước Anh, sau anh em ông ta thường bay đi trong vài rặm nước Anh. Mãi đến năm 1908 ông Wilbur Wright ở Âu-châu bay đi nhiều lần cho mọi người xem, mà thiên-hạ mới có biết tiếng máy bay từ đó. Hiện bây giờ có thứ máy-bay tới 1500 mã-lực giở lên; mà bay nhanh mỗi giờ chừng ngoài 200 rặm nước Anh, thực là tiến-bộ hơn trước nhiều.

Các nhà máy bay có tiếng nhất.

Từ khi anh em ông Wright về sau, trong 20 năm giời, bay qua biển Đại-Tây-Dương (Atlantique) bay tới Nam-Phi-Châu (Sud d'Afrique) và tới Châu-Úc (Océanie) đều được thành-công; trong bọn đó có một ông gọi Brown bay từ (Newffourland) saug Ai-Nhĩ-Lân (Irlande) lần bay đó ước độ 16 giờ đồng hồ, nếu tầu thủy đi phải 6 ngày,

nhưng lần đó chỉ có thể coi là sự thí-nghiệm cho người ta biết rằng có thành-công ; mà cái kỳ hạn máy - bay vận-tải chạy ngang qua biển Đại-Tây, chưa chắc đã thành sự-thực, sau có chiếc tầu bay hiệu R số 34 từ New-York bay đến Norfalk đi mất ba ngày, so với tầu thủy chở thơ chỉ mất bằng nửa thì-giờ, rất là mau chóng, đường hàng - không của việc buôn, có một điều đáng để ý là, máy - bay khi ấy nếu bay mãi không dừng nghỉ, thì phải đưa rất nhiều dầu máy, nhưng máy-bay chỉ chở được có chừng; nếu chở dầu nhiều thì cái số chở khách với hàng rất ít ; thế thì không lợi cho nhà buôn, bằng muốn đủ dầu lại được nhiều người và hàng - hóa thì bay ít lâu lại phải dừng xuống để nghỉ, nên về đường hàng-không vận tải đại ước chỉ bay được 50 rặm Anh là cùng.

Thứ hai có ông Keitk và ông Smith từ Anh-Cách-Lan bay sang Châu-Úc, lần bay này về việc hàng - không có sự trọng yếu lắm, không phải là như lần trước bay chơi, cái hành trình, bay được đúng giờ như trong chương trình đã định trước, rất có chuẩn đích, vì máy móc bấy giờ đã tốt nhiều, nên bay đi đúng không sai thời - hạn.

Thứ ba có ông Van-Ryneveld và ông Brand từ Anh-Cách-Lan bay đến Nam-Phi-Châu ; đường ấy vào quãng dữa Châu-Phi, cây cối rậm rạp, phải dùng lắm người da-đen chặt cây mãi mới có chỗ để dừng máy, khi phu làm trường cho máy-bay đừng, cứ làm đầu này thì đầu kia cây cối đã dài cao vài thước. Cái đường ấy bây giờ đi rất khó khăn.

Bây giờ lại có thứ máy bay chở nặng đến 24 tonnes trở lên, sức bay cứ mỗi giờ đi 200 rặm, đi xa đến 1000 rặm không phải dừng nghỉ, có thể bay cao bằng đỉnh núi cao nhất ở rẫy núi Hymalaya. Mỗi ngày cứ ở bên đây châu Europe sang bên kia, từ bể Đại-Tây-Dương (océan atlantique) suốt đến Thái-Bình-Dương khỏi nước (Hoa-Kỳ).

Máy bay bay đi thế nào.

Máy - bay bay đi được cũng giống như ta thả cái diều-giấy lên trên không. Cái diều ra gió nhờ có sợi giây ràng giữ lại mà không-khí nâng đỡ lên, gió thổi cho diều bay lên, giây giữ lại gió với sức kéo-giữ không thay đổi thì diều chắc càng lên càng cao, nếu bị lúc sức không-khí đè đỡ thay đổi khác đi, tất diều phải nghiêng đảo đổ xuống, loài chim cũng vậy, nhất là thứ quạ trắng cổ phải hôm lắm gió thường hay đảo liệng, nếu không đỡ lại, tất phải rơi ngã ngay xuống đất, nên con quạ đó thường thấy hay vỗ nhắp cánh ở trong quãng không, là vì sức nâng đỡ của không-khí bỗng nhưng biến đổi, nên phải thế, máy bay cũng vậy.

Cứ kể về sự bay đi thì các cánh là bộ-phận rất quan trọng trong máy bay, lá cánh hoặc đơn hoặc kép tùy từng kiểu mẫu có khác nhau, mặt lá cánh đó hơi lượn như hình cánh cung, ngoài đầu chỏm cánh cung ấy đàng trước giải hơn đàng sau. Lá nó giầy mỏng cũng không nhất định, từ đàng trước đến chỏm đầu cánh cung phình ra hơi rộng rồi dần dần ra đến đàng sau lá thì hơi hẹp lại.

Trong khi bay, cánh nọ không bằng phẳng như thường đâu, hơi cho lềnh lệch ghé nghiêng để gió có thể thổi vào đến dưới đáy. Những luồng khí chung quanh cánh đó nâng đỡ lấy dưới đáy, mà hút kéo lấy mặt trên.

Vì muốn chung quang cánh bay thường có không-khí lưu thông nên máy bay mới đặt ra cái máy - phát - động cọ sát cháy ngầm, cái nguyên - lý sự tạo ra cái máy phát động ấy với cái máy-phát-động của các xe máy khác vẫn giống nhau. Cái guồng quay đó xoay chuyển không - khí

xoáy như trôn-ốc để cho đưa đẩy các cánh đi qua không-khí

Người cưỡi máy bay cầm lái thế nào?

Then máy sai khiến máy-bay rất đơn giản, người cầm lái cần dùng có hai cái tay là: một cái tay khiến cho bay lên, chuyên cai quản các bộ máy lên-cao và cánh-quạt, một cái tay lái, ở gần ván đáy của máy bay, người lái lấy chân mà đưa đẩy. Ngoài lại có những then máy làm cho máy phát-động (engine) và then máy đốt-nóng và máy chỉ khí-tiết. Hiện bây giờ các máy phát-động phần nhiều theo cách thức đốt nóng ở trong.

Các kiểu mẫu cánh-quay dù có khác nhau đều cốt ở bốn cái bánh xe hoặc cái vòng tròn như cái vòng quay ô-tô. Khi bay lên người cầm máy mở máy phát-động, đến khi máy bay chạy ở trên mặt đất đã đủ sức mau rồi, mới dần dần kéo tay lái quay vào chỗ mình ngồi để chuyển động bộ máy lên-cao cho máy-bay bay lên quãng không-khí. Đến khi đã lên vừa đủ tầm cao rồi khẽ hơi đẩy cái tay lái đưa về đàng trước cho máy bay bằng phẳng mà bay đi. Khi bay chuyển đi hướng khác, người cầm máy một đàng lấy chân đạp lên cán bánh lái để chuyển động máy-lái, một đàng lái theo phương hướng muốn đi, cán lái đó vận động các cánh cho máy-bay sẽ ghé hơi hơi nghiêng đi, hơi nghiêng thế thì chuyển động rễ và yên ổn hơn cứ để bằng phẳng mà chuyển, khi liệng xong thì lại đưa tay lái phẳng lại thì máy bay lại bằng phẳng. Khi bay xuống người cầm máy đóng bớt máy phát-động lại, ngay lúc đó đẩy cái tay lái về đàng trước để động đến máy lên cao cho máy bay chúi xuống đất; khi cách đất độ vài thước tây mới lại khẽ đưa máy-hãm lại cho máy lại được bằng phẳng, đến khi máy phát-động hơi dừng bánh xe quay rất thong thả, sức mạnh của máy cũng hết rồi mới khẽ cho rơi xuống đất, lại chạy ở trên đất dần dần cho đến khi máy dừng hết cả lại.

Máy bay xuống đất chạy nhanh mỗi thứ có khác, có thứ xuống đất chạy mỗi giờ độ 30 rặm, cũng có cái mỗi giờ độ trăm rặm, cứ mực trung bình đại ước mỗi giờ độ 50 đến 55 rặm.

Khí-hậu trong đường tầu bay đi trên không.

Cái tình trạng khí-hậu thực hay làm nguy cho các nhà bay cao, bây giờ các nơi tổ chức cách báo cáo và phòng ngữ sự khó khăn đó rất là tiến bộ.

Bay lên cao chỉ có khi sương mù là sự rất nguy hiểm nhất về khí-hậu. Các tầu-thủy thường khi gặp gió bão phải vào các cửa bể lánh gió; thế mà máy bay có thể cứ đi yên ổn trong quãng đường hàng-không như từ Paris sang đến Londre. Chỉ có khi trên không trung sương mù man mác thì máy bay lại rất là khó khăn, không phải khó tại bay phải ngăn trở, vì người cầm máy dẫu trong đám sương mù rất lớn, vẫn có thể sai khiến máy-bay ở trong quãng khí như thường; chỉ nguy hiểm tại không trông thấy đường lối ở dưới đất.

Nếu gặp lúc bất đắc dĩ phải đậu xuống, sẽ không chọn được chỗ yên tuyền mà xuống, ấy trong lúc sương mù máy bay nguy hiểm là thế. Ngay khi hành trình thông đạt cả như lúc thường, không cần bắt buộc phải đậu xuống bất-ưng, nhưng người cầm máy cũng khổ về nỗi không phân biệt được chỗ ga-tầu-bay, có khi vướng chạm cả vào nóc nhà và bờ dậu, hoặc khi muốn xuống một chỗ mà chạy quá đi không đúng.

Nhưng cách báo cáo khí hậu về đường hàng-không từ Paris sang Londre rất là giản tiện, các sự cần phải báo cáo cứ do các ga quãng dữa tùy thời dùng vô-tuyến-điện đưa đi phát biểu ra khắp cả các ga đường tầu bay. Người cầm máy trước khi bắt đầu bay đi các nơi, thường hay tiếp được những sự báo-cáo xác-thực về khí-hậu quan hệ đến các chỗ bay đi trong

các quãng đường. Sự bay cũng như các việc khác. Người với máy đều quan trọng cả, khi gặp sự khó khăn thường cần phải người cầm máy có hết sức khôn khéo mới có thể đảm đang được.

Mùa đông năm 1921 khí hậu đường hàng-không từ Paris đến Londre sương mù rất nặng. Ở ga tầu bay Paris được tin báo, suốt cả lối đó, đều là sương mù, chỉ có về chiều muộn hoặc may có sáng rạng thôi, bấy giờ ba chiếc máy-bay, hai chiếc của nước Anh, một chiếc của nước Pháp đều quyết ý bay thử một lần ; chở đầy hành-khách bay đi từ ga Buốc-rê, (Bourget) chiếc máy-bay của Pháp chưa đi được một phần ba đường đó thì lại dừng lại ở xứ Boát (Boix), là tại người cầm máy không chịu được nổi sự khó khăn của sự bay như thế, vì khi bay thỉnh thoảng may ra mới trông được dưới đất ; nếu một khi hỏng máy sẽ không biết đường xuống chỗ nào.

Hai cái máy bay của Anh thì nối nhau bay được đến eo-bể, bấy giờ sương lại càng nặng, hai máy bay qua nước hầu gần chạm cả vào cột-buồm những cái thuyền trên mặt nước. Ông Mắc-kinh-Tốt (Mackintosh) là người cầm cái máy bay Hăng-lay (Handley) cho là cách đất mấy thước đã sương mù giầy nặng như thế, thì lên cao dần chắc cũng chẳng dữ hơn nữa ; mới liệng mũi máy quay lên trên đám không-khí đang đầy những sương mù, lên đến vài nghìn thước. Còn cái máy kia thì đi thong thả dần dần tìm đường qua eo bể đi khỏi bãi bể, bấy giờ người cầm máy đã lo sợ quá, may đi khỏi được bộ-phận khó khăn trong quãng đó, cho hành khách qua eo bể đến xứ Lin (Limpne) thì xuống đất. Ông Mặc-kinh-Tốt nhờ có địa-bàn và vô-tuyến-điện giúp sức chở được hành-khách đến ga tầu bay Khắc-lao-Đông ; khi ấy nhờ được tin báo hiệu vô-tuyến-điện ở dưới đất biết rằng đã ở trên sở-dừng-máy, mới dừng bớt máy lại cho bay quay xuống, mong rằng xuống gần được đất thì sương mỏng bớt ít đi, hoặc có thể thấy được ga mà dần dần xuống đất, xem kim-biểu-chỉ độ, cao xuống đến 3000m, 2000m. 1000m cho đến 500 thước, mà vẫn còn bị bao bọc trong đám sương mù ; ông ta đánh vô tuyến điện hỏi với người dưới đất luôn, những người ấy muốn tính cách chỉ dẫn cho ông ta xuống được đất, đang lúc chiếc máy-bay ấy bay liệng đi lại tìm một chỗ nào thấy mờ mờ để cho máy xuống mà không tìm được, các tiếng xe hơi chạy dưới đất vẫn nghe tiếng ầm ầm, đốt tên lửa để chỉ hiệu dẫn lối cũng không công hiệu ; những người đó không làm thế nào được, chỉ có hết sức đứng im chờ đợi mà mong cho được vạn toàn, sắp sẵn xe máy và người chực đó để hòng cứu chữa những người trên tầu bay hoặc có bị thương. Bấy giờ sương mù khắp cả mặt đất, ông Mặc-kinh-Tốt muốn cho máy xuống nhưng vẫn không được, tiếng máy u u chừng 20 phút, máy đi xa thì tiếng nhỏ đi dần, lại nhờ vô tuyến điện dẫn đến được chỗ ga thì tiếng lại kêu vang, sau cùng tiếng máy đương ầm ầm mà bỗng hơi êm êm xuống. Các viên chức chờ đợi đó đều ngơ ngác trông nhau xem nghiêng đổ xuống đâu, thì ra cái máy đó đã xuống đất êm lặng được rồi. Các khách ở trong máy bay bước ra không có cái dáng kinh sợ gì cả, như là không biết từng qua nguy hiểm bao giờ, xem đó biết rằng máy-bay cần phải người cầm máy có mưu cơ khôn khéo mới có thể đi trong lúc nguy hiểm.

(Sẽ thiếp theo)

Nguyễn-Xuân-Dương

Thuốc **SỐT RÉT NGÃ NƯỚC**
Gia-truyền rất thần hiệu.
Bán tại hiệu **LIÊN-HUY**
số nhà 68 Phố **Hàng-Trống**
(Maréchal Foch) NAM-ĐỊNH.

HÁN-HỌC TINH-THẦN

MỘT CÂU TRUYỆN VỀ ĐẠO THẦY TRÒ TRONG HÁN-HỌC

VƯƠNG KINH-CÔNG 王荊公

Ông Vương-An-Thạch ở bên Tầu khi xưa, là một nhà văn-học kiêm chánh-trị, làm Tướng-quốc đời vua Thần-tôn nhà Tống, được phong tước **Công** *ở nước* **Kinh**, *cho nên gọi là* **Vương Kinh-công**.

Tôi nhớ năm còn đương học, từng được nghe ở gia-đình một câu truyện về ông Vương-An-Thạch.

An-Thạch lúc bé, học rất dốt. Trong nhà, ông bố nuôi thày dạy học. Mỗi buổi học, An-Thạch thường không thuộc. Một hôm, ông chủ nhà (bố An-Thạch) đi vắng, buổi học đã tan, giời gần trưa, An-Thạch học vẫn chưa thuộc. Ông thày dận quá cầm roi mây vút cho một cái; không ngờ An-Thạch lăn ra chết. Thày hoảng quá, không biết nghĩ sao, vội sai đem vùi An-Thạch ra chuồng lợn, rồi vào lấy khăn áo ra đi.

Khi đó ông Thày đi, định bỏ mà chốn, không ngờ giữa đường gặp ông chủ nhà tức là bố An-Thạch. Ông chủ nhà hỏi thày rằng đi đâu? Ông thày nói là muốn về nhà mình có chút việc. Ông chủ nói: « Việc gì thời cũng hãy đợi tôi về đã, còn lấy tiền hành-phí chứ; đi đâu mà lật-đật thế! » Ông Thày chối quanh mãi. Ông chủ cứ cố mời phải về. Sau bất-đắc-dĩ ông Thày phải nói thật. Ông bố An-Thạch nói rằng:

« Việc thế thời làm gì! Thằng ấy nó dốt lắm, chẳng đánh chết, để chi! »

Đó rồi hai ông cùng về, đến nhà, thấy một kẻ học-trò báo rằng: chỗ vùi An-Thạch ở chuồng lợn thấy như có động-đậy. Hai người cùng ra, sai bới lên xem, thời quả hắn đã hồi lại. Khiêng về nhà phục thuốc cho, lại sống. An-Thạch từ đấy, học rất là thông-minh.

Nguyên An-Thạch từ khi mới đẻ, được mấy tháng, mẹ mất. Người dì ghẻ quái ác, cho An-Thạch bú sữa lợn. Có nhẽ vì thế mà khi trước An-Thạch dốt; cũng vì thế mà chết chôn chuồng lợn, cho nên An-Thạch lại thông-minh chăng?

Ông Thày học sau khi thấy An-Thạch đã sống, cũng lấy làm mừng; song từ đấy có ý buồn riêng, ở nhà An-Thạch không bao lâu, rồi từ giã chủ-nhân xin về.

Mãi đến khi An-Thạch đã thi đỗ làm quan, không biết ông Thày học ngày xưa ở đâu nữa. Mỗi lúc An-Thạch đi tìm Thày không thấy, phàm gặp cỏ đám mây đám mái, thời xụp xuống lạy mà khóc.

Cho nên người đời sau có câu thơ rằng:

荊公下馬拜荊蓑
Kinh-công hạ mã bái kinh-tùng

拜謝荊蓑教誨功
Bái tạ kinh-tùng giáo hối công (1)

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Hai câu thơ này nghĩa là: ông Kinh-công xuống ngựa mà lạy cái bụi mái, là lạy tạ cái công bụi mái giạy bảo mình ngày xưa. — Ngày xưa các ông thày-học, sau nhà thường có bụi mây mái để dùng làm roi đánh học-trò.

NHÀN-TƯỞNG. — Danh-dự của người ta như cái áo. Xuốt đời chỉ mặc một thứ áo, dẫu đẹp, cũng không thú-vị là bao nhiêu.

TẢN-ĐÀ

NHỮNG ĐIỀU QUAN-YẾU TRONG NỀN KINH-TẾ CỦA QUỐC-DÂN

Trên thế giới từ xưa đến nay, bàn về quốc-kế dân-sinh, ai cũng lấy việc kinh-tế làm quan trọng nhất. Kinh-tế thịnh vượng thì dân giầu nước mạnh, kinh-tế suy kém thì dân nghèo nước yếu, nền kinh-tế đối với dân-sinh không khác gì mạch máu trong mình loài người, màu nhựa trong thân cây cối; quan hệ mật thiết biết là nhường nào! Các nhà lưu tâm về cuộc sinh-hoạt của loài người đã từng bàn luận nhiều phen, chẳng cần nói chi cho lắm.

Nay hãy xin nói ngay đến nền kinh-tế của quốc-dân ta.

Nước ta từ đời vua *Kinh-Dương*, dựng nước, dân mình sinh tụ với nhau ở cõi *Nam-Giao* này, đã từng biết theo ngọn thủy-triều lên xuống, khẩn đất hoang mà thu lợi ở ruộng nương; đem hình thủy-quái vẽ mình, buông lưới cá để kiếm lợi nơi sông bể; Nào buổi *Đông-Chu* (1) quà *bạch-trĩ* (1) xe Chỉ-Nam dẫn lối giao thông, nào đời *Tây-Hán* chợ *Nam-Quan* (2) đồ gang sắt tiện bề mua bán, có phải đợi đến *Nhâm-duyên* giậy dân cầy cấy mới biết đường sinh-hoạt đâu.

Vả nước ta lại là một nước rất nhiều sản vật, vàng bạc trân-châu xiết bao phẩm quý, cây rừng mỏ đất chan chứa của thừa, mà người mình lại hay siêng năng sẻn nhặt, sự cần dùng không mấy, vậy nên việc kinh-tế của ta đối với thời đại bấy giờ thực đã rồi rào.

Nếu chúng ta bây giờ mà vẫn ở vào quãng đời ăn no ngủ kỹ, chẳng ai cầu cạnh đến ai, chẳng ai tranh đua với ai như thời thái-cổ Hồng-Bàng, thì sự kinh-tế cũng chẳng có chi là quan-thiết. Nếu chúng ta lại được ở vào quãng-đất sẵn quả cây làm thức ăn, sẵn lá cây làm nhà ở, như đảo Đàn-Hương-Sơn (3) thì nền kinh-tế cũng chẳng cần gì phải khoáng-trương; nhưng ngặt vì thế-kỷ thứ hai mươi này là thế-kỷ khoa-học phát đạt đua trí đua tài, khôn sống mống chết, mà cái thế-giới bây giờ dân-tộc ganh đua, chuộng công, chuộng của, mạnh được yếu thua; văn-minh càng tiến-bộ đến đâu sự cần dùng càng tăng lên đến đó; ngọn trào Âu, Mỹ, tràn khắp bốn phương, làn sóng cạnh-tranh xô đẩy mọi phía, làm sao cho cái cuộc sinh-hoạt của dân ta ở trên bán-đảo Đông-Dương này cũng phải chịu một cái ảnh-hưởng rất nhớn, bởi vậy nền kinh-tế của mình cũng không có thể cứ theo lối hẹp-hòi như cũ, mà có thể đứng vững trong cuộc sinh-tồn cạnh-tranh này.

Hiện tình kinh-tế của quốc-dân ta ngoài đã vì cái trào lưu thế-giới công-chiến, nông-chiến, thương-chiến ngày một tràn lan; trong lại vì cái hoàn-cảnh sinh-hoạt người khôn của khó, đất cỗi nghề mòn, ngày thêm chật hẹp, vậy thì nền kinh-tế chẳng cần nên chấn-chỉnh lắm ru?

Bấy lâu nay nhà-nước sửa sang các đường giao-thông đặt ra các trường thực-nghiệp, những muốn cho nền kinh-tế sau này ngày một mở mang, dân ta nào mở thương-đoàn, nào hưng công-hội; cũng có ý làm cho kinh-tế nước ta ngày thêm thịnh-vượng. Nền kinh-tế của ta đã có cơ-sở như thế, lẽ ra ngày thêm tiến-bộ dần dần xây đắp thành một cái cơ-đồ

(1) Đời Hùng-Vương đem hiến nhà Chu một con Bạch trĩ, khi về vua nhà Chu cho cái xe Chỉ-Nam để tiện biết đường lối.

(2) Đời ông Triệu-Đà thường cho dân mua bán các đồ dùng bằng gang sắt ở chợ Nam-quan về bên địa phận nhà Tây-Hán bên Tầu.

(3) Đảo Đàn-Hương-Sơn ở phía bắc châu Mỹ.

tráng-lệ nguy-nga, để cũng chen vai thích cánh với các dân-tộc khác trên thế-giới này mới phải. Thế mà vẫn chưa thấy phát-đạt là cớ sao, xét ra chỉ tại **cái tư-tưởng** và **thực-hành** về nền kinh-tế của ta hãy còn nhiều chỗ khuyết-điểm.

Nay xin hãy nói về **tư-tưởng**. — Ông Đô-Hăng-ry (Dohanry) là một nhà đại doanh-nghiệp nước Anh có nói rằng «người ta không cứ kinh-doanh công-nghiệp gì cái tư-bản rất trọng-yếu tức là cái tư-tưởng đó. Người nào hay phát-triển những tư-tưởng để mà làm các chức-nghiệp thì không bao giờ không thành công, vì người ta làm việc gì thành công hay không, rầu có nhiều nguyên-nhân, mà nói đến sự cốt-yếu chỉ xem sự tư-tưởng làm chuẩn-đích. Vậy muốn chấn-chỉnh đường doanh-nghiệp trước hết phải làm cho tăng-tiến cái tư-tưởng đã, phàm không có tư-tưởng hay tư-tưởng không đủ, quyết không sao đứng vững được ở cõi đời cạnh-tranh quãng thế-kỷ hai mươi này» Ông Mai-ly-ty cũng là một nhà đại doanh-nghiệp nước Hoa-kỳ có câu rằng «Muốn kinh-doanh các thực-nghiệp ở xã-hội, không có đủ tư-tưởng mới, không xong, tư-tưởng mới ấy tức là cái tư-bản dùng mãi không cùng; phàm đã vào trong trường thực-nghiệp hay làm cho tư-tưởng tăng-tiến luôn luôn, để ứng dụng với mọi sự cần dùng của các giới, tự nhiên có thể thu được cái sự báo đền xứng đáng; mà cái hy-vọng giầu mạnh cũng có thể đạt tới, vậy nên không cứ làm nghề gì, phát đạt hay không, thực chỉ toàn tại cái tư-tưởng có tăng-tiến hay không, nếu cứ mờ mịt không có chút tài-năng tư-tưởng hơn người sẽ thấy không có khi nào mà mong cho phát-đạt được» xem mấy câu nói ấy đủ biết rằng việc kinh-tế không có thể không làm cho tư-tưởng mở mang, mà có thể đứng vững được, tư-tưởng là nguồn gốc các công việc. tư-tưởng chậm độn thấp hẹp thì làm việc khó khăn và hay thất bại, tư-tưởng rộng xa lanh lẹn thì làm việc mới thuận lợi mà thành công, vậy nên muốn chấn-hưng nền kinh-tế cần phải tăng-tiến tư-tưởng, mà muốn tăng-tiến tư-tưởng cần phải có học kinh-tế phổ-thông.

Hiện nay các trường thực-nghiệp xứ ta hãy còn ít-ỏi, các sách thực-nghiệp của ta nào có được bao; ấy nền kinh-tế của ta mà hãy còn chật-hẹp, chỉ vì tư-tưởng kinh-tế của ta hãy còn non-nớt, chỉ vì khoa-học kinh-tế của ta chưa được phổ-thông. Muốn cho học kinh-tế được phổ-thông cần phải có sách giậy kinh-tế bằng quốc-ngữ. Mong sao các nhà kiến-thức đã từng lưu tâm đến khoa kinh-tế, cùng các nhà doanh-nghiệp đã có thực-nghiệp trong nền kinh-tế, nên đem hết thảy các điều đã hiểu thấu xác-thực như lịch-sử các nước đã từng làm cho kinh-tế phát đạt, địa-lợi các xứ có thể giúp cho kinh-tế khoáng-trương; tình trạng kinh-tế thể nào, nguyên-lý kinh-tế thể nào, cùng là vấn-đề tài-chính sao cho rồi ráo, vấn-đề tiền-của làm thể nào mà bành-trướng, chế-độ kinh-doanh, thiết-lập các ngân-hàng, thể-lệ trao-đổi tiền-giấy với các nước, nào thống-kế hợp-toán, nào bảo-hiểm, biên-ghi, cả đến giá-trị sản-vật các nơi, thuế xuất-cảng nhập-cảng các nước, thương-học, công-học, nông-học; phàm hết thảy các lý-luận tư-tưởng thiết-thực, thuộc về kinh-tế, đều biên chép rõ ràng để cho quốc-dân ai nấy có thể học xem hiểu-thấu.

Học kinh-tế đã phổ-thông, có học-vấn tất có tư-tưởng, có tư-tưởng tất có sự-nghiệp, lo gì mà nền kinh-tế của quốc-dân ta chẳng ngày một khoáng-trương.

Trở lên nói về tư-tưởng đại-khái, những nhà trí-thức đã từng bàn luận, mà mọi người đều có thể biết được cả rồi. Nhưng việc kinh-tế cốt-yếu ở sự thực-hành, người xưa có nói: «biết việc không khó, làm việc mới khó» nên sự **thực hành** tất phải có người đã từng lịch-duyệt mới có thể thấu hết cơ-quan.

Những cơ-quan trọng-yếu về đường kinh-tế của quốc-dân ta là nghề buôn, nghề thợ, và làm ruộng; mà hiện nay trong xã-hội cạnh-tranh nhất là nghề

buôn ; vậy xin hãy đem những sự kinh-nghiệm lược thuật ra đây, họa chăng có chút bổ ích cho các nhà lưu tâm đến sự khoáng trương thương-nghiệp.

Sự **Thực-hành** của nhà buôn không phải là mua rẻ bán đắt, nhờ vận đỏ đen, đong đầy vơi khôn ngoan lừa lọc, những việc đó ai ai cũng thừa biết cả, không cần kể đến làm chi, vả đương buổi thương-chiến cạnh-tranh, cách buôn cũ kỹ của ta xưa, không thể hợp với trào lưu trên thế-giới hiện nay được, vậy muốn thực-hành kinh-doanh một nhà thương-nghiệp buổi đời nay, đã có rễ đâu, nào trong xếp đặt các công cuộc sao cho chỉnh-tề, ngoài đối phó với các sự tiếp xúc sao cho hoàn hảo, có thể thành một cái cơ-sở vững vàng cùng ganh đua với các nhà doanh-nghiệp, chiếm lấy một địa vị chủ-nhân-ông trong chốn thị-trường), giữ được một phần lớn về lợi-quyền kinh-tế ; thủ-đoạn kinh-doanh dẫu cần phải có nhiều phương-lược, mà có thể tóm lại mấy điều là :

1· **Sáng-nghiệp** (Công cuộc trong lúc gây dựng cho được làm nên cơ nghiệp nhà buôn).

2· **Thủ-thành** (Sau lúc cơ-nghiệp nhà buôn đã thành lập mà giữ lấy cho được bền vững).

3· **Ngoại-giao** (Là việc giao-thiệp buôn bán với người ngoài).

4· **Nội-trị** (Là cách xếp đặt công việc trong nhà buôn).

I Sáng-nghiệp. — công-cuộc nhà buôn trong lúc gây dựng cơ-đồ, cần phải có mấy điều quan-yếu như sau này :

a) **Lập chí vững bền.** — Cái chí khí của nhà buôn cốt tại chớ để cái hoàn cảnh nó làm cho mình mê muội, vì buôn bán cần phải ở nơi đô-hội, nơi đô-hội đã phồn-thịnh, tất về phần văn-minh vật-chất lại xa-hoa, văn-minh vật-chất xa-hoa quá, rễ phát tài lại càng rễ sa-sút. Những người chí-khí non-nớt, đến nơi đô-hội cần phải cảnh tỉnh luôn luôn, phàm những tập-quán không hay mình phải lánh xa chớ bén, ai nấy đua nhau giảo-trá, ta nên vẫn cứ thực thà, mọi người ham chuộng xa-hoa, ta cứ nghiễm nhiên đứng mực. Tôi thường thấy lắm người đến nơi đô-hội, chửa lập chút công kia nghề nọ, đã nhiễm ngay bả-quỷ bùa-mê, trong miệng nói ra, toàn lịch-duyệt những cô-đầu con-hát, người hơi cao thượng cũng chẳng qua chỉ khoe nhau về vở-kịch tấn-tuồng, họ cho rằng không thế, không tỏ ra con người sành-sỏi ở chốn phồn-hoa được.

Than ôi ! tinh-thần có hạn, sao nỡ đem phiếm đãng để hết cả thì giờ ; của cải có ngần, sao nỡ bỏ phí hoài vào nơi vô ích, ấy chỉ vì lập chí không bền đó thôi. Vậy nên muốn kinh doanh buôn bán cho thành, trước rất phải lập chí vững bền, chớ có bị bề ngoài say mê dẫn dụ ; chí đã định rồi thì những điều tổn hại mới tìm cách mà lánh xa, những món ích lợi mới biết phương mà thu góp. Buôn bán đâu mà không thành, ta xưa thường có câu rằng « có chí thì nên » lại có câu « có chí làm quan, có gan làm giầu » đều là nhẽ ấy.

b) **Chọn nơi tiện lợi.** — Người đã có chí về sự buôn bán, cần phải chọn nơi tiện lợi mới thi thố được cái tài-năng, chọn nơi tiện lợi phải điều tra tinh-tế về địa-thế và địa-lợi ra thế nào, xem địa-lợi những nơi đó có những vật gì là sản xuất, thiếu những hóa vật gì để cần dùng, có biết sự thừa thiếu của địa-phương mới liệu bề mà buôn bán ; xem địa-thế nơi đó phải vận tải giao thông thuận tiện, dân cư đông đúc giầu sang, có nhiều người qua lại mới có đất làm cho hóa-vật tiêu lưu, lại cần phải xét tình hình buôn bán hiện-tại cạnh-tranh thế nào, để mà đối địch, sau này dự bị thế nào, để mà khuyếch trương ; Cái địa-diện đó có gì là lợi ích ngay lúc tiến-hành hiện-tại ; và có gì là ảnh-hưởng hy-vọng sau này. Nói tóm lại muốn lập nhà buôn cần phải ở chỗ đô-hội mới có cơ hội tốt, mới có thể thu lợi nhiều, nếu ở chốn thôn-quê hẻo-lánh nhỏ-nhen, dầu có khó nhọc kinh-doanh cũng chẳng chắc bao giờ là phát đạt.

c) **Dùng người giúp việc.** — Các nhà buôn nhỏ nhớn mặc lòng, đều cần phải có người giúp việc (ta thường gọi là tài-công) những người đó ví như chân tay của ông chủ, chân tay có lanh lẹn thì công việc mới song suôi; người đó cũng chính là mối-lái của cửa hàng, mối-lái có khôn ngoan, thì hàng hóa mới bán chạy, vậy nên cái vận-mệnh của cửa-hàng thực là ở tại các người làm, cửa hàng, phát-đạt hay suy-đồi trách-nhiệm toàn là tại những người đó cả, được người giỏi-dang hết lòng làm việc, biết chiều đãi khách mua, phàm những sự có thể làm cho cửa hàng phát-đát, không khi nào họ không hết sức hết lòng mà làm cho đến nơi đến chốn, ấy thế thì cửa hàng ngày một bừng bừng mà lên, nếu kẻ chẳng ra gì làm bậy bán gian, đối với khách mua ăn nói không được hòa-nhã; làm cho mối hàng ngày một suy kém, đó là sự rất không may cho cửa hàng, vậy cho nên dùng người cần phải cẩn thận lắm mới được, phải xét đến tính-tình, phẩm-hạnh, nhời nói, việc làm, chơi bời bè bạn, xét rõ từng ly, từng tý, cốt lấy người thật thà, hòa-nhã, siêng-năng, thật-thà thì không sợ mất sai hàng-hóa, hòa-nhã thì chiêu được mối hàng, siêng-năng thì chăm chỉ công-việc, lại còn phải biết tính-toán tinh-thông, kinh-nghiệm lịch-duyệt, còn những hạng ngao-du cờ-bạc, làm dáng dong chơi, lắm nhời cãi-cọ, nên cự tuyệt ngay từ trước, kẻo có ngăn trở cho sự gầy dựng cơ-nghiệp của mình.

d) **Thận trọng khai trương.** — Đã được có địa-lợi có người làm, mà không biết cách khai-trương, cũng khó cho người ta chú ý, vì rằng cái buổi khai-trương tức là quân tiên-phong của nhà buôn ra trận, phải làm cho có cái thế-lực mạnh-mẽ rõ-ràng, thành một cái ảnh-hưởng lớn-lao to-tát, để cho lừng tiếng một vùng, nào xếp đặt cửa hàng cho rực-rỡ, nào sửa mẫu-hàng cho kỳ-khôi, quảng-cáo chiêu-bài, biếu quà, tiếp khách, cốt sao cho lừng lẫy cái thanh-thế của nhà buôn, vận động cho khách mua đến hàng mình cả.

Những công-việc đó, là những điều cốt-yếu khi mới gây dựng mà nhà buôn cần phả thực-hành vậy.

(Sẽ tiếp theo)

Nguyễn-Xuân-Dương

HOÀN-TOÀN QUỐC-HÓA

BẢN-HIỆU CHUYÊN CHẾ CÁC THỨ ĐÈN TỌA-ĐĂNG, ĐÈN VÁCH BẦU ĐỒNG, BẦU MẠ KỀN VÀ BẦU THỦY-TINH CHÂN BẰNG ĐỒNG MẠ KỀN COI RẤT ĐẸP; VÀ CHẾ RA CÁC THỨ ĐÈN CON KIỂU HOA-KỲ RẤT CHẮC-CHẮN VÀ TINH-XẢO.

XIN ĐỒNG-BANG CHIẾU CỐ ĐỂ CHẤN-HƯNG QUỐC-HÓA

SONG PHẢI NHẬN KỸ HIỆU THUẬN-KỲ CÓ CON NGỰA-BAY LÀ CỦA BẢN-HIỆU

BẢN-HIỆU CÓ CẢ MÁY MẠ KỀN, NHẬN MẠ CÁC THỨ ĐỒ ĐỒNG VÀ ĐỒ SẮT

KÍNH-CÁO

Đỗ-Văn-Quế tức **Thuận-Ký**

Hiệu chuyên chế các thứ đèn và cổ đèn

Số nhà 114 — Phố Hàng Riệu

NAM-ĐỊNH

THI-DAN GIANG TAP

Thăm chùa Bé

(Đông-Ngạc)

Chùa Bé là chùa làng tôi, hiện nay bỏ hoang, không ai trông nom hương lửa gì. Chùa ở giữa đồng, trông quang-cảnh rất là thảm-đạm.

Cảnh thông khua mõ, gió ngâm chuông,
Thăm cảnh đây ai khỏi đoạn trường!
Dậu đổ, cây trơ, chùa đứng trọi,
Làng xa, sư vắng, bụt ngồi xuông.
Bia tàn nham-nhở rêu mờ đá,
Hoành cổ cheo-leo chữ lạt vàng.
Lẳng-lặng ngồi nghe con cuốc gọi,
Bực mình muốn rủa cái tang-thương.

Đông-Xuyên

* * *

Bài thơ đây bốn câu giữa văn rất tề chỉnh, đủ vẻ tao-nhã và ảm-đạm, thật tả được ra cái cảnh chùa bỏ hoang. Hai câu kết lại cảm-khái được một cách khích-ngang lỗi-lạc, phảng-phất có giọng thơ ông Tú Xương ngày xưa, như sáu câu ấy thật hay! khó tìm chỗ mà phi-nghị. Duy lấy lấy toàn bài mà nói, thời có thiếu mất một cái ý quan-trọng. Nguyên chùa Bé ấy là chùa làng của tác-giả, mà trong bài chưa thấy lộ ra cái ý *chùa làng mình*, vậy thời tác-giả cũng chỉ như một người quá-khách vẫng cảnh mà thôi, thực thiếu nghĩa quan-trọng, mà cãi lỗi đó ở hai câu phá, thừa. Trong câu phá bốn chữ « *cành thông khua mõ* » rất là không hay. Vì dưới đã có chữ « *cây trơ* » mà trên lại nói « *cành thông* », như thế cũng là trùng cái ý nói *cây*; dưới đã nói « *cây trơ* » mà trên nói « *cành thông khua mõ* », lại không hẳn có khỏi trái nhau hay không? Câu thừa, hai chữ « *đoạn-trường* », nặng nghĩa quá! ngẫm ra không phải thực tình của người thăm cảnh chùa; lại chiếu xuống câu thứ tám cũng điệp ý. Vậy tôi nghĩ muốn đổi hai câu phá, thừa ấy là:

Mênh-mông đồng rộng, gió đưa ngang,
Chùa Bé là đây, cảnh cố-hương.

Như thế hợp với sáu câu dưới thành bài, có nhẽ hơn.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

ÔNG CỬ NGUYỄN KÍNH-PHU, NGUYÊN TRI-HUYỆN, HÀN-LÂM-VIỆN BIÊN-TU
Nghĩ giúp Đối-trướng mừng, Đối-trướng phúng và viết cả chữ cho hiệu

GIỤ-HỢP ĐỐI-TRƯỚNG

125, PHỐ HÀNG RƯỢU — NAM-ĐỊNH

Có làm hàng Sơn, Thêu, Dán cải-lương
Nhận làm vòng hoa đám hiếu
Giá phải chăng - Kiểu đẹp

Có thợ sơn kẻ Biển Hiệu nhiều lối chữ mới rất nhã, giá hạ.

VIỆT-NAM NHI THẬP THẾ-KỶ

XÃ-HỘI THIỂN ĐÀM

Ngày 25 tháng 6 annam mới rồi, cầy cấy vừa xong, trời cho nước non hòa thuận, ngồi rỗi sinh buồn, ký-giả liền nghĩ đến bạn thân ở **Nam-sách**, vội-vàng vác ô cuốc bộ lên chơi. Trong khi tửu-hứng, ký-giả mới phàn-nàn cùng bạn về nỗi cải-lương hương-chính đã bẩy tám năm nay mà chưa thấy mấy làng có hiệu-quả.

Bạn tôi nói : « Bác còn lạ gì những hạng kỳ mục, kỳ nát ở chốn thôn quê mình nữa, việc cải-lương chậm thành-hiệu, chỉ bởi bọn ấy đấy thôi. Mấy hôm nọ hội-đồng làng tôi họ xử một cái kiện thế này thì bác tưởng có tức cười không ?

Số là thị Vui không may bị mất con gà, Thị chửi một cách rất tàn nhẫn, lại có ý đay-đả đến người hàng sóm là tên Thuận (vì tên ấy có tính dan lận, nom thấy của người thì tối mắt lại). Trong lúc ấy tên Thuận vừa đi đánh chén đám khao về, hơi men còn đương nồng, lại bị vợ con y cắn-rứt, vội-vàng xoay áo cầm nách-thước chạy ra can-thiệp, thị Vui cũng tưởng anh ta dọa nạt đấy thôi, chứ dám đến gần nào, nên thị cứ đối điều và không chịu lui bước. Ngờ đâu máu chạy vào tim, anh Thuận chạy xông ra, vụt lấy vụt đề. thị Vui không thể làm sao được, mới phải kêu hàng sóm đến cứu. Khi hàng sóm kéo đến can gián cả đôi bên. thị Vui bực về nỗi của đã mất mà người lại bị đau, mới nằm vật ra vệ đường, lấy sành rạch mặt ra, ăn vạ. Tuần-đinh thấy thế, vội-vàng đi báo chánh-hội. Viên Chánh-hội được tin, lập tức cho đi thông đạt các viên hội-đồng đến chỗ thị Vui nằm để khám biện. Chừng nửa tiếng đồng-hồ, các viên hương-hội đã đủ mặt. Ông thì nói: « Tuần-đinh cứ trói giữ tên Thuận lại, rồi sẽ khám biên, hữu án, hữu tù, cần gì ». Ông thì nói : « Sự-chủ đâu giọn mấy mâm chén đây, anh phải biết rằng chúng tôi làm việc, lương làng không cấp, chỉ nhờ ơn Chính-phủ được những dịp thế này, để hòn đất nắm lên ông bụt, cái kiến tha chúng tôi đến đây hay sao ? » Ông Chánh-hội gàn : « Được, mặn nhạt thế nào chả có, các ngài cứ phải nói ra miệng làm gì thế ? Mời các ngài cứ vào chơi trong nhà, để tôi ra bảo cho hắn nghe ra tai đã ». Bấy giờ viên Chánh-hội liền đến chỗ trói tên Thuận, sẽ bảo tên Thuận rằng : « Anh Thuận ơi ! anh chết ! phen này là anh phải tù. Thôi mấy mẫu ruộng, mấy con bò của anh đi đời mất. Ối chao ! chưa đánh được người thì mặt đỏ như vang, bây giờ đã đánh được người ta rồi thì mặt vàng như nghệ nhé ! ».

— Thưa cụ : « Nếu cụ không thương mà giải, thì con đến phải phạt là cùng, chứ con có tội gì mà cụ giậy phải tù ».

— Hừ ! « Thế thì anh ngu thật ! anh chỉ biết cách gian lận thôi ! một làng được mấy trăm con người, nếu tôi không thương anh thì sao tôi có bảo. Này tôi bảo cho anh nghe nhé : Anh mang gậy tầy, tay thước, áp đảo tận nhà nó, cậy sức khỏe đánh đập nó, tội ấy còn nhẹ ư ? Nay mai nó phải chứng gì mà nó chết đi, thì anh tính sao ? Nó là người góa bụa, anh đến nhà nó thì phi cưỡng dâm, tất thủ tài, vì nó bất khẳng, nên anh mới sinh sự, anh nghe thế nào ? Một lẽ nữa là đàn bà khôn ba năm, dại một giờ, phỏng nó đã giăng gió với đứa nào mà bụng mang giạ chửa, nó nhất-định đổ cho anh, thì anh có chối được không ? thế mà anh còn lờ-mờ. Anh phải tội cùng hết nghiệp thì tôi có ích gì. chẳng qua tôi với anh bao giờ cũng là tôi với anh ; còn ông quan thì nhất thời mà thôi. Anh nên nghĩ kỹ, kẻo sau này không hối kịp đâu !

— Trăm lậy cụ, nhờ cụ dón tay làm phúc đàn ghép cho êm thắm, con xin hậu tạ cụ hai chục, sống tết, chết giỗ, không bao giờ con dám quên cái ơn tái-tạo ấy, trăm lậy cụ.

— Hừ ! hai chục thì làm gì được, sao anh sử tồi thế ! Thôi người là vàng, của là ngãi, anh đã cậy tôi, tôi cũng hết lòng, nhưng đã động đến hội-đồng, lặng là ao, động là bể, không quyền riêng một mình tôi được. Xong việc thì anh phải tạ mỗi ông gói chè, hoặc gách thuốc cho có phong thể. Giờ thì anh phải biện lấy mấy mâm chén, còn việc nên chăng thì cứ mặc tôi định liệu.

Ông Chánh-hội vừa bước chân vào trong nhà, thì người nhà tên Thuận tấp-nập, kẻ thớt người dao, kẻ giết gà, người mổ vịt ; cái quang - cảnh lúc bấy giờ chẳng khác chi đám khao hay ngày giỗ vậy. Một lúc cỗ bàn bưng lên, nào ông Hội, ông Lý, ông Ký, ông Thủ, ông Biều, ông Trương ăn ăn, nói nói, cười như nắc-nẻ, truyện tựa pháo rang, cái vinh - hạnh của các ngài trong lúc ấy thực đúng như câu : « *Quốc, Công Hầu ; dân, Tổng Lý* » của cổ - nhân truyền lại. À quên ! còn ông Chánh-hội thì bắt sự-chủ khiêng cái chõng hắc ở chỗ thị Vui nằm, ông xin phép Hội-đồng ra đấy chén, cho tiện sự trông nom. Vì ông có lòng nuông thầy tớ ; cho tuần tráng vào nhà trong ăn uống và liện rịp ông sẽ giở cái tài hùng-biện, cùng cái mẹo khôn khéo để dọa nạt thị kia, nếu thị mà bùi tai trúng kế thì việc xử này không cần phải tốn công giàn ghép cũng có thể im được,

Lúc ấy, đồng-hồ đã đổ 5 giờ chiều, dưới chỗ bóng tre, ông Chánh-Hội đương ngất ngưởng ở trên cái chõng, làm bạn cùng mấy đĩa bát và một lu rượu con con. Một chén, hai chén, ba chén, bất giác đã ngà ngà say, ông sẽ rủ-rỉ bảo thị Vui rằng : « Chị rõ khéo lắm ! con gà của chị liệu đáng được bao nhiêu mà chị cứ quen thói chua-ngoa, bây giờ có phải tật mang, tiền mất, rồi lại đeo lo vào mình, làm cho chúng tôi cũng phải long-đong, lật-đật, bỏ công bỏ việc, ra ngồi ở đây. Trước tôi nghe thấy nói chị là một người tốt nín lắm kia mà, sao lần này chị lại nóng nẩy quá thế ?

— Thưa cụ : Trong làng với nhau, cụ còn lạ gì, từ ngày thày cháu mất đi, anh ta soay-xở đủ vành, cụ tính nuôi con gà thì ai giữ cho khỏi đi hàng xóm được, thế mà hễ nó chạy sang là mắc ngay vào bẫy, đã năm lần bẩy lượt, chứ có phải một hai bận mà thôi đâu, nếu con cứ nín nhịn mãi thì được chân, lân đến đầu, chắc có ngày mẹ con nhà con sẽ không còn cái bát mà ăn mấy hắn. Thôi thì còn ăn hết nhịn, có đục rồi mới có trong, nhờ cụ lấy bụng công bằng, cứ lập biên-bản giải trình cho, hay giở đã có quan trên đèn giời soi xét.

— À chị này lý-sự thật ! được, thế nào chị chả được xuống quan, mà chị cứ nóng nẩy thế ! Chị có biết người ta thường nói : « *kẻ được mười bốn quan năm, kẻ thua mười lăm quan chẵn* » là nghĩa thế nào không ?

Thôi, nói phải, chị cũng chả biết nghe, *bất kiến pháp, bất tri ơn*, 8 giờ sáng mai, đến quan rồi chị biết.

— Vâng cụ giậy con cũng xin vâng, nhưng nó đánh con thâm tím cả người lên thế này, không biết có khỏi chết không ? Nhờ cụ lượng xét cho.

— Gớm nhỉ ! thằng vũ-phu thật ! thế ra chị đau lắm kía à ? Để tôi thử xem qua một chút xem nào... Vừa nói, vừa bước xuống chỗ thị Vui nằm, trước còn xem những vết ở chán, ở má, sau dần dần cụ xẽ rờ xuống đến ngực.

« Thế còn hai vết thương nặng này thì nó đánh bằng gì mà đau xưng gớm-ghiếc thế này ? rõ tội-nghiệp ! »

Thị Vui xấu-hổ đỏ bừng mặt ! vội-vàng choàng giậy chạy phắng đi nơi khác.

Ông Chánh-Hội thấy thị đã trúng kế của mình, liền làm bộ quát tháo :

— À, con này to gan thật, dám lập tâm giá họa cho người ! Đau đớn gì nó ! đau sao chạy được... Ông ký cho người về lấy cái thước tây ra đo từ chỗ nó nằm vạ cho đến chỗ nó chạy ra là bao nhiêu, viết biên-bản để ông Lý trình quan ngay lập-tức bây giờ.

Lọt vào tai thị Vui những lời dọa nạt ấy, mặt thị biến hẳn tái lại như không còn một tí máu nào, trời đương nồng nực, mà thị cứ run như cầy sấy, cố giò đến chỗ ông Hội ngồi, lậy lấy lậy để, hồn-hển nói chẳng ra lời :

— Lậy, lậy cụ : con nay mình hóa, con còn thơ, trăm sự con cũng trông nhờ cụ. Ơn ấy rẫu chết con cũng không dám quên, xong việc rồi cụ giậy bao nhiêu con cũng xin thu-xếp.

— Rỗ khéo chị này, nhẹ thì chẳng ưa chỉ ưa nặng, thế giờ chị có biện nổi hai chục không?

— Vâng, nếu có đơn sai, đã có quỷ-thần hai vai làm chứng ».

Ông Chánh-Hội lấy làm đắc ý lắm, vội-vàng khấp-khểnh bước vào trong nhà, trình bầy với Hội-đồng rằng :

« Tôi lấy lòng thành thực khuyên bảo cả hai bên, bây giờ chúng đã biết nghe, thôi thì đánh kẻ chạy đi, chứ ai nỡ đánh kẻ chạy lại, các ngài nên cô-khoan cho chúng một lần ; nếu tái-phạm sẽ không dong ».

Một hồi sau, biên-bản hòa-giải của hội-đồng chưa ráo mực, thì số bạc của hai bên không cánh mà tự-nhiên bay ngay vào trong tráp ông Chánh-Hội, còn các viên chức thì đã được bữa chén no say, lại giắt về kẻ gói chè, người gách thuốc, ai nấy đều vui mừng hớn hở và có ý cảm phục cái tài thao-lược của ông Chánh-hội là một bực thâm niên lão-luyện.

Bạn nói xong câu truyện, thì đồng-hồ trên vách đã đổ 12 giờ. Ký-giả vội-vàng xin phép bạn tắt đèn đi nghỉ ; mừng thầm ra ngõ gặp giai, không mất tiền mà cũng được nghe một tấn tuồng rất náo-nhiệt.

Tập-chí **Nguyễn-văn-Luyện**

HOP-LONG

N° 62, Rue Maréchal Foch, *(Phố Hàng-Dầu)*

NAM-DINH

XƯỞNG TO NHẤT

chuyên môn chế tạo và chữa các thứ máy-móc, các đồ dùng bằng kim-khí.

Được ban Hội-đồng khảo-xát Hội-chợ lần thứ 6 :

ban khen **DANH DỰ VĂN BẰNG**

Do một viên Đốc-công rất am-hiểu, và rất sành nghề giám-đốc.

XƯỞNG HỢP-LONG chế tạo những tủ sắt :

COFFRES-FORTS, theo y như các mẫu của Thái-tây, các đồ dùng làm nhà cửa rất tinh sảo và theo mẫu tân thời :

BAO-LAN, CHẤN-SONG *vân vân...*

XƯỞNG HỢP-LONG lại chế tạo các thứ : **CÂN-TÂY** *(Bascules)*

XƯỞNG HỢP-LONG chữa và lắp **XE Ô-TÔ**, các đồ **ĐIỆN** như : quạt máy **MA-NHÊ TÔ** vân vân.

Đồng bào ta giúp lẫn nhau, Bản-hiệu mong các quý khách xa gần chiếu cố.

HOP-LONG

LÃ-QUÝ-TIẾP cẩn bạch

VIỆT-NAM NHỊ-THẬP THẾ-KỶ

Xã-Hội Ba-dào-ký

Ba năm Vua mở khoa thi,
Lộn chồng giả của, em đi bán hàng.

Hai câu phong-rao ấy, tôi từ thủa nhỏ có nghe, mà đến nay không thấy ai hát; nghĩ chẳng vì thực-cảnh của xã-hội xưa sau biến đổi, cho nên câu hát cũng theo đó mà chôi chìm đi mất ru? Nhớ ngày nào vào khoảng tháng mười đây, có nhẽ đó là năm Bính-ngọ (1906), năm ấy có khoa-thi Nam-định, tôi theo ông anh làm Phúc-khảo đi chấm trường. Các quan tiến trường, lính hầu áo nỉ; học-trò ứng thí, đầy tớ gọng lều. Phố Khách, Hàng-Thao, ngựa xe chật ních; Mỹ-trọng, Lang-tĩnh; đường xá chen mông; con gái kén chồng, hai bên hàng phố. Cái quang-cảnh ở Nam-định khi ấy, tưởng không có hội nào vui bằng. Khoa-thi năm ấy, học-trò chưa pha vẻ văn-minh, thi-cử hãy còn theo lối cũ; Kinh-nghĩa, thơ phú, văn-sách, ba kỳ thêm kỳ nữa là bốn. Ông Cử, ông Tú, xuất thân toàn thị các ông đồ trong làng nho. « *Giải lưng, tốn vải, ăn no* »; mà rồi bảng vàng, mũ bạc, lọng xanh; vinh quy bái tổ! mà rồi nữa Hoàng-giáp, Thám-hoa, Tiến-sĩ, thênh-thênh đường cái thanh-vân. Nữa mà rồi võng lọng ngựa xe, lâu đài chung đỉnh, phu-nhân công-tử, phú quí vinh hoa. Bao các sự chưa có mà có thể sẽ có của các đồ trong làng nho khi bấy giờ, đủ đối với các bạn quần-thoa ta, rất là có giá-trị. Cho nên trong xã-hội, mới có câu ca-rao như xưa.

Khoa Kỷ-dậu (1909), phép thi đổi mới, kỳ văn-sách đem lộn lên trên nhất, bài ra năm đạo, rồi đến kỳ luận là thứ hai. Phần chữ nho thì có như thế. Kỳ thứ ba mới có thi quốc-ngữ; ai muốn thi chữ tây thì thi. Từ đấy mà con đường Lang-tĩnh, Mỹ-trọng đây, « *Giầy cao ống mau chân thời bước trước* ». Khoa Nhâm-tử, (1912) thi-cử như khoa trước, mà cảnh-tượng thêm não-nùng, mưa gió chết người (1), đến lúc văn-chương tàn cục vậy. Sau còn khoa Ất-mão (1915) nữa là hết; cờ bạc canh cuối, ai vơ được cũng hơn không.

Nghe khoa-thi năm ấy, quan Thượng-Đoàn có bài thơ chữ nho, mừng các ông tân-khoa rằng:

維新學界同文日
Duy tân học-giới đồng văn nhật,
守舊儒科結局年
Thủ cựu nho khoa kết cục niên.
筆陣背城鏖一戰
Bút trận bội thành ao nhất chiến,
詞壇射策獻三千
Từ đàn sạ sách hiến tam thiên.
平生辛苦當如是
Bình sinh tân khổ đương như thị,
前路功名未必然
Tiền lộ công danh vị tất nhiên.
笑我蓴鱸秋興晚
Tiếu ngã thuần lô thu hứng vãn.
南城再接鹿鳴筵
Nam-thành tái tiếp lộc-minh diên

TAN-DA

(1) Năm ấy một ông đồ người ở Phú-thọ, vì rét quá, chết ở trong trường.

BẮC-SỬ LƯỢC THUẬT

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

(Tức **Bắc-sử diễn-nghĩa** đã in ra ở hai số **11** và **12**, nay đổi làm tên này cho được hợp với thực nghĩa hơn. Tiếp theo số **12**).

Vua Bình-vương nhà Chu đã lên ngôi, lấy rằng chỗ kinh-đô là Cảo-kinh (nay thuộc tỉnh Thiểm-tây) giáp gần với di-địch, sợ lại có cái vạ như U-vương bị giết, cho nên bỏ chỗ Cảo-kinh không ở nữa, mà dời đóng kẻ-chợ ra Lạc-ấp, gọi là Đông-đô (nay thuộc tỉnh Hà-nam). Từ đấy quyền lực của thiên-tử hèn kém, không ban bảo nổi các vua chư-hầu. Các nước chư-hầu, nước lớn đánh nước bé, nước mạnh cướp nước yếu, rất là tự-do, không cần biết có thiên-tử chi hết. Đức Khổng-tử sửa lại kinh Xuân-thu là sách sử-ký của nước Lỗ, có chép từ trong đời vua Bình-vương năm thứ 49 (722 trước kỷ-nguyên lịch tây) giở xuống, tất cả trong khoảng 242 năm cho nên người đời sau nhân gọi khoảng đời ấy là đời **Xuân-thu.**

Trong khoảng đời Xuân-thu ở Trung-quốc, nói về sự trị-an của triều-đình thời kể là đời loạn ; xét về sự tiến-hóa của dân-tộc thời có vẻ hơn xưa. Nguyên vì uy-quyền không thống-nhất, cho nên có cạnh-tranh ; có cạnh-tranh mà tự có tiến-hóa. Các nước chư-hầu trong lúc ấy, nước mạnh muốn xâm-chiếm, nước bé phải giữ mình, cho nên nhân-tài sinh ra nhiều ; nhân-tài sinh ra nhiều, mà văn-vật trí-thuật phải hơn trước. Kể tất cả các nước chư-hầu trong lúc ấy, *Công*, *Hầu*, *Bá*, *Tử*, *Nam* năm bực, và *phụ-dụng* (1), lớn bé có hơn một trăm nước. Nước lớn mà có uy lực, như Tề, Sở, Tần, Tấn ; nước bé mà có văn-vật, như Lỗ, Vệ, Tống, Trịnh, đều là những nước có nhiều sự-cố ở trong đời Xuân-thu. Nay đại-để tùy theo sự-cố sau trước, lựa chọn những tích chuyện có thú, không cứ dài ngắn, truyện nào diễn thuật đi truyện ấy, để cung chư khán quan.

* * *

Trong đời Xuân-thu, nước bé mà có vẻ văn-minh hơn, có người bảo là nước *Trịnh*.

Nước Trịnh, mặt tây-bắc có nước Tấn, mặt đông-nam có nước Sở, ở sen vào 2 nước mạnh lớn như thế, cho nên thường phải lo nghĩ nhiều ; cũng vì thế mà sinh ra lắm nhân-tài mà có vẻ văn-minh hơn nước khác. Trong sự văn-minh, thường không khỏi có nhiều trí-trá, hãy xem như một ông nước Trịnh là *Trang-công*.

Trang-công, tên là Ngụ-sinh, là con vua Võ-công nước Trịnh. Nguyên vua Võ-công nước Trịnh, lấy con gái vua Tề, họ Khương sinh ra Trang-công và Cung-thúc-Đoạn. Bà Vũ-Khương trong lúc Trang-công, nhân vì có sự khó đẻ, chết khiếp đi mà rồi mới sống lại, do sự sợ ấy, cho nên ghét Trang-công mà yêu Đoạn hơn, thường xin với Võ-công để dựng Đoạn lên làm thế-tử, Võ-công không nghe. Đến khi Trang-công đã lên ngôi, bà Khương xin phong cho Đoạn ở ấp Kinh, gọi là **«Kinh-thành-thái-thú »**.

Bài thơ này ý-nghĩa đại-khái là :

Trong cõi học mới, nay là buổi chữ nghĩa thông-đồng. — Sự thi của nhà Nho, đến năm nay nữa là khoa cuối. — Trong trận bút-nghiên quay lưng vào thành đánh nhau một phen nữa. — Trên đàn văn-chương thi bài văn-sách dâng lên ba nghìn chữ để thi. — Cái công học cay đắng bấy nhiêu lâu, nên được có như thế. — Mà con đường công-danh sau này chưa hẳn ra làm sao. — Cười rằng ta nhớ mùi thuần-lô, muốn nghỉ chức về mà chưa được. — Ở chốn Nam-thành nay lại dự tiếp bữa tiệc Lộc-minh.

Lộc-minh là bữa yến ban cho các ông tân-khoa. — Nghe năm ấy trên nhà Thập-đạo có cả các quí-quan và phu-nhân các ông tân-khoa bái kiến, sự thể rất long-trọng.

(1) Phụ-dụng 附庸 là một nước bé phải phụ thuộc vào nước khác, mới được đạt lên đến thiên-tử.

Quan Đại-phu nước Trịnh là Sái-Trọng, nói với Trang-công rằng:

« Cứ phép của Tiên-vương ngày xưa, phàm phong cho con em, chỗ đô-thành nào lớn nhất, chẳng qua bằng một phần ba đô-thành của nhà nước; bực giữa thì bằng một phần năm; bé thì bằng một phần chín. Nay ấp Kinh, đô-thành quá độ, không phải phép, sợ rồi sau vua khó trị chăng!

Trang-công nói: — Bà Khương muốn vậy, còn tránh gì sự họa-hại!

— Bà Khương thời còn biết thế nào là vừa! chẳng bằng vua phải sớm liệu, đừng để cho như cỏ lan mạnh. Đám cỏ mọc lan ra, còn khó mà trừ trị đi được; phương chi là người em yêu qui của vua ru?

— Làm nhiều sự bất-nghĩa, thời rồi tự-khắc phải chết. Nhà ngươi hãy đợi coi».

Vậy rồi Thái-thúc (tức Cung-thúc-Đoạn) khiến bắt các ấp ở cõi tây, cõi bắc của nước Trịnh đều nhị tâm với mình. Quan Đại-phu nước Trịnh là Công-tử Lã lại thưa với Trang-công rằng:

« Nhà-nước không thể để cho có sự nhị-tâm như thế được, Vua định nghĩ làm sao? Nếu vua mà muốn cho hẳn cả Thái-thúc thời tôi xin thờ luôn; nếu không cho, thời xin phải trừ bỏ. Chớ nên để cho dân trong nước có sự hai lòng.

— Không cần! rồi tự-khắc nó chết».

Thái-thúc lại thu những ấp đã nhị-tâm, lấy hẳn làm của mình.

Công-tử-Lã nói:

« Thôi, bây giờ nên rồi! Hắn đã phong-thịnh, thời rồi được lòng chúng.

— Bất-nhân bất-nghĩa, phong-thịnh cũng sắp mất đến nơi: »

Thái-thúc sửa thành quách, tụ nhân-dân, xắp khí-giới, dự-bị các sự-thể để bất-kỳ vào đánh Trịnh. Phu-nhân (Võ-Khương) sắp mở đường cho vào. Trang-công nghe đích tin, nói rằng:

« Thôi, bây giờ nên rồi! »

Bèn sai Công-tử-Lã xuất hai trăm cỗ binh-xa (1) để đánh ấp Kinh. Dân ấp Kinh phản Thái-thúc-Đoạn. Đoạn chạy sang ấp Yển. Trang-công theo đánh ở Yển. Thái-thúc chạy ra Cung (Vậy gọi là Cung-thúc-Đoạn).

Trang-công đã trừ đuổi được Cung-thúc-Đoạn, bèn đem bà Võ-Khương để ở riêng ra một nơi là ấp Thành-Dĩnh, mà thề với bà rằng: « Không tới suối vàng, thời không trông thấy nhau! » Vậy rồi mà có ý hối. Ông quan coi bờ-cõi ở miền ấy là Dĩnh-khảo-Thúc nghe biết sự như thế, nhân có việc vào hầu vua (Trang-Công), được vua ban cho ăn; trong khi ăn, mỗi thức thịt để riêng ra một ít. Vua hỏi ý. Khảo-Thúc thưa rằng:

« Kẻ tôi-mọn này có mẹ, ở nhà ăn những thức ăn của kẻ tôi mọn đã là thường, chưa từng được ăn canh của vua. Vậy xin đem về cho.

Vua nói: — Mày có mẹ mà cho, như ta lại không có!

— Dám thưa vua dạy thế là sao?»

Trang-công nhân đem sự mình làm, bảo cho Khảo-Thúc biết, và bảo rằng có ý ăn-năn.

Thưa rằng: « Vậy thời vua có lo gì! Nay ví đào đất cho đến suối, làm đường hang để gặp nhau mà cùng trông thấy nhau; như thế thời ai bảo là không phải?»

Trang-công bèn làm theo như lời của Khảo-Thúc nói. Rồi vua từ ngoài vào mà đọc thơ ở trong cái đường hang lớn, vui vẻ mừng tươi; bà Khương từ trong cái đường hang lớn đi ra mà đọc thơ, tươi vui thư-thái. Mẹ con từ đấy lại như xưa.

* * *

Cách đó ít năm, vua Trang-công nước Trịnh cùng với vua Tề, vua Lỗ, cùng đem quân đánh nước Hứa (một nước nhỏ ở gần Trịnh). Ba quân bọc kín ở dưới thành,

1. — Một cỗ xe binh ngày xưa, có quân mặc áo giáp ngồi trên xe, 3 người; quân đi chân kèm theo xe, 72 người. Vậy thời 200 cỗ xe, tức là có 14, 400 người quân.

quan Đại-phu nước Trịnh cầm lá cờ của Trịnh, tre trước lên mặt thành, vung-vẩy mà bảo cho chúng rằng: « Vua lên rồi! » Quân nước Trịnh lên hết. Bèn vào chiếm thành của nước Hứa. Vua Trang-công nước Hứa bỏ chạy sang nước Vệ. Tề, Lỗ hai nước lấy Hứa nhường cho nhau, không ai nhận, rồi cho về người Trịnh.

Trịnh-bá (tức Trang-công. Vua Trịnh tước bá, cho nên gọi Trịnh-bá) sai quan Đại-phu nước Hứa là Bách-Lý hầu dựng em vua Hứa là Hứa-thúc để ở coi trị một nửa nuóc Hứa về cõi đông, bảo Bách-Lý rằng:

« Giời reo vạ xuống cho nước Hứa, quỷ thần thực không hả lòng với vua Hứa mà mượn tay ở ta là kẻ ít đức này.

Quả-nhân (nghĩa tức là một người ít đức, là tiếng thường của các vua chư-hầu tự xưng) này, ngay chỉ như mấy vị phụ-huynh ở trong nước (các bề tôi cùng họ), còn không cung-cấp, yên-ủi được; đâu còn dám lấy nước Hứa kể làm công của mình ru? Quả-nhân có em (trỏ Cung-thúc-Đoạn), còn không ăn ở cho hòa-chi còn mong với nhau được, mà phương-thuận yên vuicó mãi nước Hứa được ru! Nhà anh nên trông coi hầu hạ ông Hứa-Thúc để trị yên các nhân-dân ở đây; rồi ta sẽ sai tên Hoạch (quan Đại-phu nước Trịnh, Công-tôn-Hoạch) nó giúp đỡ nhà anh. Sau này vi bằng quả-nhân được yên-tuyền mà nhắm mắt đi nữa, giời mà tử-tế với nước Hứa, nguôi cơn giận dữ mà thôi giáng tai vạ, thời chẳng thà để cho vua nước Hứa (Trang-công) lại về mà trông coi lấy công việc tế tự, như thế thời nước Trịnh ta mà có sự cầu thỉnh gì, cũng kể như hai nước giâu-da ngày xưa, hẳn nước Hứa cũng có thể nén lòng mà theo ý nhau được. Đừng để cho giống nòi nào khác đến đây chiếm ở, mà sẽ cùng với nước Trịnh ta cùng tranh nhau cái chỗ đất này, thời con cháu của Trịnh tôi sau này những lo lụn bại còn chưa song, mà phương-chi còn giữ được sao những sự thờ cúng núi sông cho nước Hứa! Cho nên như Quả-nhân mà sai nhà anh ở coi đây, không những là chỉ vì nước Hứa, thực cũng có nhờ để bền vững chốn biên-thùy cho ta.»

Trịnh-bá đã bảo Bách-Lý như thế, bèn sai Công-tôn-Hoạch ở coi cõi tây nước Hứa, bảo Hoạch rằng:

Phàm những đồ dùng của cải gì của mày, đừng có để ở nước Hứa. Ta chết, mày nên bỏ mà đi ngay. Đấng Tiên-quân ta được phong ra ở Trịnh đây, kể cũng chưa lấy gì làm lâu; nhà vua Thiên-tử mà xuy hèn, thời con cháu họ nha Chu (Trịnh cùng họ với nhà Chu) rồi mỗi ngày mất cả ngôi bực. Như nước Hứa là giòng dõi vua Thần-nông tự trước, giời mà đã không ưa nhà Chu nữa, thời ta tranh với Hứa được sao?! »

Năm Trịnh-bá đánh Hứa mà đặt người cai-trị như thế, chính là nắm thứ 11 vua Ẩn-công nước Lỗ, năm thứ 8 vua Hoàn-vương nhà Chu, trước *kỷ-nguyên lịch tây 712 năm*, kể đã là có cái **chính-sách bảo-hộ** vậy.

(Sẽ tiếp theo)

Nguyễn-khắc-Hiếu

KÍNH-CÁO. — Các ngài có lòng yêu Bản-chí mà gửi văn thơ lai-cảo, xin cho biết rõ chỗ để thư, để Báo-quán đồng-nhân được tiện sự đi lại thư tín. Đa hạnh.

An-Nam Tạp-Chí

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

MỘT BẢN LUẬT NÊN BIẾT

Từ điều thứ 5, thứ 10 bản luật ngày 24 Mai 1934 về dùng súng đạn trận sẽ thi hành ở Đông-Pháp.

Các trường hợp ấy thi hành cho người Tây và người được quyền như người Tây cùng cả người bản-xứ và người Á-Đông như người bản-xứ thuộc quyền tòa án tây.

« Làm ra, hoặc có, hoặc cầm giữ những súng « ống, đạn dược, hoặc mang khí giới ở trong « cõi Đông-Pháp thì vẫn theo như Chỉ-dụ 21-4-1918 « 29-7-1921 và 27-11-1927.

Bản luật ngày 24-5-1834 về việc được giữ súng đạn trận. — Điều thứ 5. Những kẻ mà trong khi giấy loạn mang súng ống lộ ra ngoài, hay giấu kín hoặc đạn dược, hoặc quần áo giấu hiệu, hoặc đeo cái biểu hiệu riêng gì về văn hay võ thì phải tội đồ.

Nếu vừa mang súng ống, đạn dược lộ ra ngoài hay giấu kín mà lại vừa mặc áo giấu hay đeo biểu hiệu gì thì phải tội lưu.

Nếu mà lại lợi dụng khí giới ấy thi phải tội chết.

Điều thứ 6. — Những kẻ trong lúc giấy loạn mà đánh hoặc rọa cướp các cửa hàng khí các đồn, các kho, xưởng súng, các công sở, hoặc bóc lột khí giới của lính tráng để cướp lấy những súng ống và đạn dược thì mỗi tên phạm phải phạt thêm tiền là từ 200 quan đến 5000 quan.

Điều thứ 7. — Những kẻ trong khi rối loạn, hoặc đánh, hoặc rọa mà sông vào nhà có người ở, hoặc nhà ở của người ta thì cũng phải phạt như vậy.

Điều thứ 8. — Những kẻ trong khi rối loạn để đánh hoặc để kháng cự lại binh lính mà chấn vào hoặc chiếm lấy các đồn và các công sở thì phải tội đồ.

Vào ở nhà nào hoặc chủ nhà hay người thuê nhà thuận cho cùng phải tội như thế, mà nhà chủ hoặc người thuê ấy đã biết rõ mục đích bọn phiến loạn mà chúng không bắt ép cũng chứa thì cũng đồng tội với bọn kia.

Điều thứ 9. — Những kẻ trong khi biến loạn mà dúp đỡ để đắp ụ làm rào, đào hầm, hoặc các công việc gì để ngăn trở binh lính tiễu nã thì phải tội đồ ;

Kẻ nào dùng bạo động hoặc rọa rẫm ; gọi hay sắp quân lính, hoặc phát hịch, truyền bá phát cờ, phát hiệu, hoặc các cách khác, sui khiến hoặc dúp đỡ cho bọn phiến loạn tụ họp.

Kẻ nào phá hoại một hay mấy cột giây thép, hoặc đánh hay rọa sông vào một hay nhiều nhà giây thép, hoặc đánh hay là rọa để ngăn cấm không cho thông tin tức lên quan trên.

Điều thứ 10. — Những tội kể ở trong luật này không can thiệp gì đến những tội ác trước của phu nhân hoặc chính, hoặc tùy.

Nhưng nếu nhị tội đều phát thì lấy tội nặng nhất mà luận.

Sách cấm và báo cấm

Quan Tàn-Quyền Đông-Pháp đã ký nghị-định ngày 4 Octobre 1930 cấm không được mang vào và lưu hành trong cõi Đông-Pháp những báo và sách kê ra sau này :

Báo chữ nho

Shang-hai-Pao 上海報

Hong-Ki 紅旗

Sách chữ nho

(In tại Shang-Hai)

現代索隱

亞西偉人軼事

萬事元始

Tứ-Dân 32

Bắt được nhiều báo Cộng-sản

Sáng hôm nay mấy viên Cẩm sở Mật-thám Tây, Mật-thám ta đi Ca-mi-ông khám mấy nhà trong thành-phố. Khám xong bắt được rất nhiều báo cộng-sản. Báo này tên là báo « Lao-khổ » trong đăng rất nhiều tin tức về đảng Cộng-sản ở Đông-dương và các việc hành động của đảng. Lại cổ động biểu tình đình công... Những báo này bọn cộng-sản in ra mà chưa phát được thì đã bị bắt ngay. Lại có bắt được nhiều đồ vật in các thứ báo này và truyền đơn. Hiện trưa hôm nay các viên chức sở Mật-thám vẫn còn canh gác các nhà ấy. Nhiều hòm đựng báo Cộng-sản đã cho mang về sở Mật-thám để xét.

Phổ-Thông 4 Décembre 1930

Bắt được một người ở ngoại-quốc về

Các nhà chuyên trách vừa mới bắt được một người ở Hà-tĩnh. Người này tên là Ng-doãn-Ái tức Trực quán ở Bắc-kỳ, mới ở Nga về và có can vào các việc biểu-tình ở miền Bắc Trung-kỳ. Hiện đã cho giải người này ra Hanoi.

Phổ-Thông 29 Novembre 1930

Một người mang sách và báo cấm bị bắt

Saigon. — Vừa rồi viên lính cảnh sát quận thứ nhất nhân đi tuần ở gần nhà thờ thấy một người thiếu niên độ chừng 18, 20 tuổi cắp cái gói, thái độ khả nghi, chạy lại hỏi. Xét ra thì có một quyển sách cấm và một tờ báo cờ-đỏ, là tờ báo cơ quan của đảng cộng-sản.

Đem về bóp tra vấn người này nhất định không chịu nói gì.

Phổ-Thông 28 Octobre 1930

Hai tên lính giả mạo mật- thám bị bắt

Tây-ninh. — Lâu nay có hai tên vô lại thường về làng Phước-chỉ giáp hạt Tân-an và Soai-riêng, nói mình là mật-tám nhà nước để những nhiễu dân. Được tin quan chủ tỉnh Tân-an sai viên đội Nguyễn-văn-Lý và bốn tên lính về làng Phước - chỉ để dò bắt, thì vừa gặp hai tên kia đương xét giấy dân làng tại nhà phó hương hào. Viên đội Lý liền cùng lính áp vào bắt trói, xét trong mình chúng nó có một khẩu súng lục và hai tờ truyền-đơn cộng-sản.

Hiện đã giải về tỉnh giao lại cho quan Biện-lý.

Phổ-Thông

Làm truyền-đơn vu cho người lương thiện

18 Novembre tòa án Nam-định xét cái án Thái, Sơn làm mật-thám mà lại làm truyền-đơn cách mệnh định vu oan cho người ta để lập chút công danh hão huyền bất nghĩa, nếu không may mà tội ác của chúng nó không phát giác ra, thì đã biết bao nhiêu người phải hàm oan chịu khổ. Một bọn 7 người cũng vì chúng nó tố cáo, mà phải bắt giam để tra cứu, nếu chậm chừng một tháng nữa, mà việc hai tên này không phát ra, thì 7 người kia phải ở chốn lao-tù chưa biết ngày nào mới được ra. May thay công-lý vẫn còn, nhân-đạo chưa mất, nên cái oan đó đã giải tỏ được cho 7 người kia!

Trong cái thời-gian này cái hạnh phúc của nhân-dân, thì đã vào trong tay của người có quyền-binh, một điều nhầm lỗi, một chút thiên lệch, cũng đủ làm cho quốc dân chịu nhục hàm oan, vậy cho nên các bậc cầm quyền trị dân, nhất là về phần các quan tư-pháp, mong sao cầm cân cho rất đúng mặt cân, vì lỡ thiên một tí, là họa cho người đời không xiết kể.

T. B.

Tòa hỏi chứng cớ hiển nhiên, tuyên án phạt :

Nguyễn-cự-Thái : 15 năm khổ-sai.

Mai-xuân-Sơn : 5 năm khổ-sai.

Nguyễn-văn-Lý : được tha bổng.

Xử xong tội âm mưu làm truyền-đơn giả đánh lừa chính-phủ và làm mất sự trị-an, tòa lại hỏi luôn đến việc vu-cáo cho nhân dân lương - thiện.

Nguyên hồi tháng Août trước vụ làm truyền đơn giả được ít lâu, Thái và Sơn có báo bắt bọn Giáo-Thâm là người cộng-sảo nhưng sau quan trên tra xét biết bọn họ là oan, nên đã tha cho cả rồi. Thì nay những tên Nguyễn-hữu-Thu, Trần-văn-Lễ và Phạm-văn-Khóa, đều đầu đơn kiện Sơn và Thái về tội vu cáo cho họ.

Tòa tuyên án phạt :

Sơn 3 năm tù.

Thái 5 năm tù.

Về tội vu cáo cho lương - dân.

Thế là cộng tên Sơn bị tất cả 8 năm tù, tên Thái 20 tù.

Đáng kiếp cho bọn giả-tâm.

Phổ-Thông

Đỗ-kim-Ngọc

Viên tri-phủ Đỗ-kim-Ngọc nay đã gần 59 tuổi đầu, có một cái gia-đình 7 con, làm việc nhà nước đã 28 năm nay, từ trước vẫn là một viên quan rất là mẫn-cán và trung-thành. Hồi năm 1911 ông theo quan khâm-sai Lê-Hoan đi giẹp Đề-thám có công được đặc-cách ân-thưởng, hồi nam 1913 lại được đặc-ân thăng-thưởng. Năm 1915 khi còn làm tri-châu, quan trên ban giấy khen cho là một viên quan thông-minh, mẫn-tiệp, trong hàng tri-châu vào hạng nhất, ông làm với viên thủ-hiến cũng được khen. Đáng tiếc thay, một viên quan lại như thế mà hồi tháng Février vừa rồi, sau khi sảy ra việc Lâm-Thao, lại phạm vào các tội hối lộ như ngày nay, dung túng cho thủ-hạ làm càn, bắt người rồi dọa lấy của mới tha.

Xem qua trong Hồ-sơ Hội-đồng Đề-hình ở Phú-thọ, theo lời các người chứng khai thì rõ là viên phủ Ngọc đã làm càn. Trước hết nói đến hồ-sơ số 23, việc ông phủ Ngọc ăn

tiền của Vũ-văn-Mô (một người đã bị Hội-đồng Đề-hình kết án tử-hình nhưng được ân giảm), việc khám xét viên Thủ-quỹ và các tội khác nữa.

Viên phủ Ngọc là một ông quan tòa đệ nhất cấp, cần phải công-minh sao lại làm việc ám muội như thế.

Viên tri phủ Đỗ-kim-Ngọc phạm tất cả 46 việc hối-lộ, nhưng 4 việc tòa xét cho là vô-can còn 42 việc nữa, bị kết án 3 năm tù, 200 đồng bạc phạt và phải bồi thường lại tất cả các món tiền đã lấy của dân.

Đỗ-khắc-Bồi 2 năm tù, 100$00 phạt.

Nguyễn-duy-Quế 2 tháng tù.

Đỗ-văn-Chiêu tức phó Chiêu 6 tháng tù, Đào-văn-Thuyết 2 tháng tù.

Trần-văn-Chu kết án vắng mặt 1 năm tù, Kiều-văn-Phượng 6 tháng tù, Nguyễn-văn-Cương và Triệu-văn-Điền mỗi người 5 đồng bạc phạt.

Tất cả các người bị cáo đều phải liên đới chịu các tiền án phí. Tuyên án xong đã 6 giờ rưỡi.

Thế là kết liễu vụ Đỗ-kim-Ngọc ăn của đút.

Đảng cộng-sản bạo động ở Mỹ

Nữu-ước — Tại Nữu-ước có chừng 1500 người về đảng cộng-sản họp tập ở trước một nhà hàng rượu, rồi cùng nổi lên bạo động đánh nhau với lính cảnh sát, 20 người bị thương, 30 người bị bắt.

Quân Cộng-sản vây bọc tỉnh Trường-Sa

Thượng-Hải. — Phong trào cộng-sản ở Hồ-Nam càng ngày càng lan rộng. Hiện nay tỉnh ấy về phía Tây - Bắc thì mấy huyện Tân-lễ, Nam-hoa lần lượt bị hãm hết cả ; về phía Đông thì : Bình-Giang, Lưu đương cũng đều thất thủ, bộ của Lưu-Kiến-Tự đã phải từ Lưu-đương lui về Vĩnh-an, bộ của Đào-quảng thì ở Bình-giang lui về Cao-Kiều Kim-tỉnh giản thế phòng bị, xứ Mịch-La cũng bị quân cộng-sản chiếm cứ, ở vũ-trường đường đi không thông, về phía Nam thì Trà-lăng An-nhân lại mới bị hãm, Du-duyên và Hành-sơn, Hành-dương đều nguy cấp lạ thường. Trường-sa đã thành thế bị bọc, cả tỉnh đều khủng hoảng, các pháp - đoàn đã phải hơn mười đại-biểu đến Nam-kinh xin Tưởng-giới-Thạch tự mình đốc quân đánh giẹp.

Phổ-Thông 26 Novembre 1930

Sự giao thiệp của hai nước Trung-hoa và Đức

Thế lực nước Đức ở Trung-Hoa ngày một tăng lên, khiến liệt cường phải chú ý. Rồi đây Tưởng-giới-Thạch sẽ lấy thêm người Đức làm cố - vấn, song vì việc quân, việc buôn bán người Đức cùng người Tầu cũng một lâu một thêm thịnh, vừa rồi phái hộ người Đức sang điều tra về tình hình thương mại và tài chính, được người Tàu đón tiếp rất tử tế, ngoài ra còn nhiều chứng cớ khác cho sự thân thiện của hai nước Đức và Trung-Hoa. Tức như việc hãng thông tin (Qua biển) (Transocéan) của người Đức liên lạc với hãng thông tin « Quốc - Dân » của người Tàu. Hãng « Qua biển » là một nhánh của hãng Wolf đã nổi tiếng gian trá trong hồi Âu chiến. Hãng Quốc-Dân tức trước kia là một cơ - quan của bộ ngoại giao do Trần-hữu-Nhân đặt ra.

Bao nhiêu tin tức đăng ở các báo Tàu hầu hết là tin của hãng Quốc-dân vì quyền ngôn-luận ở Trung-Hoa hẹp lắm. Những tin ấy ngày nào cũng chuyển sang cho báo giới Đức. Trở lại, hãng thông tin của Đức lấy tin thế-giới từ Berlin đánh sang cho sở Vô-tuyến-Điện của chính-phủ Trung-hoa. Những tin ấy dịch ra chữ Tàu chữ Anh rồi đưa cho thông khắp tất cả các báo trong nước. Hẳn chính-phủ Đức phải xuất ra nhiều tiền lắm mới can thiệp vào báo-giới Trung-hoa được như vậy, chủ-ý là tán dương nước Đức và công kích nước Pháp, nước Pologne cùng các nước Tiểu-Đồng-Minh.

Xem các bài thời-bình đăng ở các báo Trung-hoa thì rõ rằng thủ-đoạn của chính

phủ Đức không phải là không công-hiệu. Báo-giới Trung-Hoa xem Đức như là một nước bị các đế quốc áp-bức cùng đồng một địa-vị với Trung-Hoa. Từ ngày bị Đồng-Minh lấy hết thuộc-địa và thu cả quyền lãnh sự tài-phán, Đức xoay mặt thân thiết với Trung-Hoa. Về Chính-trị cũng như về kinh-tế, hai nước ra ý thân mật lắm. Việc Đức can thiệp vào cuộc Nga-Tàu xung đột là một chứng cớ hiển nhiên về phương-diện chính-trị. Về kinh-tế cũng vậy, năm 1913 hàng hóa Đức bán sang Trung-Hoa tất cả 28.300.000 tiền; kể cũng đã nhiều, sang năm 1927 lên đến 56 triệu có lẽ năm nay thì ngót 80 triệu. Còn hàng-hóa Tàu bán sang Đức năm 1913 có 19 tiệu mà năm 1927 đến 23 triệu.

Vả lại Đức và Nga thân thiện cùng nhau nên Đức có thể lợi dụng đường sắt qua Sibérie làm đường giao thông với Trung Hoa. Các công ty hàng hải Nord-Dentcher-Lloyd và Hamburg Amarika-Linie từ năm 1914 không qua Viễn-đông, ba năm nay lại làm việc như cũ. Giá vận tải rất rẻ nên công việc thịnh lắm, có lẽ hai công-ty ấy được chính-phủ Đức giúp.

Phổ-Thông 27 Novembre 1930

TRONG KHI CÁC NƯỚC NÓI CHUYỆN HÒA-BÌNH

. . .Nước Y-đại-Lợi ra lịnh cho quốc-dân phải lo tập luyện

Nội-các Ý đại-lợi đã chuẩn-y cái nguyên tắc rằng « quốc-gia phải lo việc võ-bị » và quyết định một cái lịnh mới bắt buộc rằng: hết thảy nhân-dân trong nước Ý cứ từ 18 tuổi thì phải tập luyện theo như-binh lính để lâm thời trong các đội lục binh, thủy-binh hay đội quân máy bay chẳng hạn, hễ thiếu đâu, thì sẽ điền thêm người vào đó.

Trung-Lập 22 Novembre 1930

Tình hình biến động ở Espagne hiện nay nghiêm trọng lắm

Ở Barcelone, công-đoàn liên hiệp đã tuyên bố thôi cuộc tổng bãi công và khuyên thợ thuyền giở lại làm việc như thường.

Nhưng ở Alicante là một cửa bể trên Địa-trung-hải tình hình rất rắt rối. Cảnh sát đem súng bắn các bến có tầu đậu. Thợ thuyền bỏ tán loạn nhiều người rơi xuống biển và rất nhiều người bị bắt.

Ở Valence, ông đốc trường đại học và ông đốc ban dậy luật điều xin từ chức vì bất bình thái độ ương ngạnh của học sinh.

Ở Séville, xe taxis không chạy nữa. Thợ thuyền đốt phá xe lửa và xe điện. Nhiều người bị bắt.

Phổ-Thông

KINH TẾ KHỦNG HOẢNG

Cuối tháng Juillet vừa rồi ngân sách nước Nhật thiếu đến 17 triệu viên

Đông-Kinh: 19 Novembre. — Bộ tài-chính tuyên bố rằng cuối tháng Juillet vừa rồi, số chi nhiều hơn số thu 107 viên; Tổng cộng tất cả chỉ thu được có 185 triệu mà số tiền cần tiêu thì đến 292 triệu. Đấy chẳng qua cũng chỉ là một cái chứng trong nhiều chứng khác, rằng thế giới đương kinh qua một thời kỳ kinh tế khủng hoảng.

Phổ-thông

Tình hình thị trường tơ lụa ở Thượng-hải rất rắc rối

Thượng-Hải. — Tình hình thị trường tơ lụa ngày một thêm nghiêm trọng. Ở Thượng hải có 106 nhà máy kéo tơ mà đến 100 nhà phải đóng cửa. Có lẽ các nhà máy tơ khác trong nước rồi đây cũng phải đóng cửa. Hiện đã hơn 80 vạn thợ thuyền

không có nghề làm ăn, hơn một vạn kiện tơ còn chất trong các hàng buôn không bán đi được. Mỗi kiện giá 1.000 đồng nếu tính ra phật-lăng thì một vạn kiện giá đến 100.000.000, mà tổng cộng tiền vốn tất cả các nhà máy tơ Thượng-hải chỉ có 200.000.000 frs thôi.

Chính-phủ hứa sẽ trợ cấp cho nghiệp-chủ 10 triệu bollars. Nhưng các nhà buôn họ nói cần nhất là phải làm thế nào cho bán được hàng hóa ế đi, chớ trợ cấp cũng không ăn thua gì.

Vì không những hiện đến một vạn kiện tơ không bán được, mà rồi đây sẽ tới 10 vạn kiện đưa vào kéo ở các nhà máy. Ở Nhật-bản, nạn ủng trễ cũng chẳng kém gì Thượng-hải; hai bên tranh nhau bán tơ lục sang Pháp, nhưng Paris và Lyon không mua, còn Chài Mỹ thì thị trường cũng rắc rối chẳng buôn bán gì với ai mấy tỷ.

Vậy biết làm thế nào? Các nhà buôn yêu-cầu bắt quốc dân phải dùng vải lụa trong nước mà may áo, không được dùng dạ của nước Anh. Nếu được như vậy thì sức tiêu thụ của thị-trường trong nước sẽ gấp mười lần. Nhưng trước hết các bộ-trưởng phải làm gương rồi sau quốc-dân mới bắt chước được.

Có kẻ bàn đánh thuế nhập cảng tơ lụa cho thật cao. Nếu vậy tơ lụa thành Lyon sang bán bên Tàu sẽ không được chạy; có lẽ chính-phủ Nam-kinh sẽ thực hành phương pháp này dầu có trái với vạn-quốc công-pháp cũng mặc.

Phổ-Thông

LE CHIC
Tailleur Élégant
16, Paul-Bert - NAMDINH

HIỆU MỚI MỞ ĐỦ CÁC LEN GIẠ MAY COMPLETS VÀ PARDESSUS
CAI CẮT KHÉO ĐÃ TỪNG LÀM QUA CÁC HIỆU TÂY TA TO NHẤT Ở BẮC-KỲ.
CÁC NGÀI CHIẾU CỐ HẲN LÀ ĐƯỢC THẬP PHẦN NHƯ Ý!

Anh em chị em hâm mộ thể-thao nên đọc:

TUẦN BÁO
BẮC-KỲ THỂ-THAO
Xuất-bản ngày thứ Ba
TÒA-SOẠN VÀ TRỊ-SỰ Ở SỐ NHÀ 37 PHỐ HÀNG-QUẠT — HANOI

GIÁ MUA BÁO: Một năm 3.50
Sáu tháng 1.80
Bà tháng 1.00
Ngoại quốc: Một năm 4.50

Đọc báo "Bắc-Kỳ Thể-Thao" tức là cổ-động cho nền thể-thao nước nhà ngày thêm bền vững!

Le Gérant:
PHẠM-ĐÌNH-KỲ